

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên thực hiện: Phạm Thị Huệ

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Tình

HẢI PHÒNG, 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VỐN LƯU ĐỘNG
TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ TÀU THỦY
VIỆT TRUNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên thực hiện: Phạm Thị Huệ
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Tình

HẢI PHÒNG, 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Huệ Mã SV: 1812402011

Lớp : QT2201N

Ngành : Quản trị doanh nghiệp

Tên đề tài: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả vốn lưu động tại Công ty
TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nêu cơ sở lý luận về công tác sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng công tác sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Báo cáo kết quả sử dụng vốn lưu động của Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ Việt Trung giai đoạn 2020 – 2022.
- Kế hoạch và tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty Việt Trung giai đoạn 2020 – 2022.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Tình

Học hàm, học vị : Thạc Sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả vốn lưu động tại Công ty TNHH thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 09 tháng 10 năm 2023

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 20 tháng 01 năm 2024

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *ThS. Nguyễn Thị Tình*

Đơn vị công tác: *Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng*

Họ và tên sinh viên: *Phạm Thị Huệ*. Chuyên ngành: *Quản trị doanh nghiệp*

Đề tài tốt nghiệp: *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả vốn lưu động tại Công ty TNHH thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung*

Nội dung hướng dẫn: *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả vốn lưu động tại Công ty TNHH thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung*

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin cảm ơn sâu sắc **Ths. Nguyễn Thị Tình** đã tận tình chỉ bảo, cung cấp tài liệu và hướng dẫn em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trong khoa Quản trị đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu thực hiện đề tài.

Sau cùng, em xin cảm ơn các bạn gia đình đã luôn quan tâm, chia sẻ và động viên em trong suốt quá trình thực tập, tìm hiểu và viết khóa luận để em có được kết quả như ngày hôm nay.

Do trình độ và hiểu biết của em vẫn còn nhiều hạn chế nên không tránh khỏi sai sót trong quá trình nghiên cứu và viết báo cáo. Em rất mong nhận được ý kiến góp ý từ phía thầy cô và các bạn để em hoàn thiện đồ án này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên thực hiện

Phạm Thị Huệ

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BQ	:	Bình quân
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CL	:	Chênh lệch
CSH	:	Chủ sở hữu
DN	:	Doanh nghiệp
DNTM	:	Doanh nghiệp đầu tư thương mại
DTT	:	Doanh thu thuần
DV	:	Dịch vụ
ĐVT	:	Đơn vị tính
EBIT	:	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
HQSDVLD	:	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động
HTK	:	Hàng tồn kho
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
NH	:	Ngắn hạn
TM	:	Thương mại
Trđ	:	Triệu đồng
VCD	:	Vốn cố định (vốn dài hạn)
VLD	:	Vốn lưu động (vốn ngắn hạn)
Việt Trung	:	Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu Thủy Việt Trung
STT	:	Số thứ tự

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Tổng quan chung về hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp...	4
1.1.1. Khái niệm, phân loại doanh nghiệp	4
1.1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp.....	4
1.1.1.2. Phân loại doanh nghiệp.....	5
1.1.2. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn lưu động	6
1.1.2.1. Khái niệm vốn lưu động	6
1.1.2.2. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.....	12
1.2. Hiệu quả và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp	13
1.2.1. Sự cần thiết phải quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động	14
1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp ..	16
1.2.3.1. Vòng quay vốn lưu động	17
1.2.3.2. Chỉ tiêu thời gian luân chuyển vốn lưu động	17
1.2.3.3. Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động.....	18
1.2.3. Mức tiết kiệm vốn lưu động	18
1.2.4. Chỉ tiêu sức sinh lời vốn lưu động.....	19
1.2.5. Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động.....	19
1.2.6. Các chỉ số về hoạt động.....	20
1.2.7. Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn lưu động	21
1.2.8. Các nhân tố có thể lượng hoá	21
1.2.9. Các nhân tố phi lượng hoá	24
1.2.10. Bảo toàn vốn lưu động.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ TÀU THỦY VIỆT TRUNG	27
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung....	27
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	27
2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Việt Trung.....	28
2.1.3. Khái quát về kết quả HĐKD của Công ty	32
2.2. Thực trạng sử dụng vốn lưu động tại Công ty Việt Trung.....	32

2.2.1	Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn, nguồn vốn.....	32
2.2.2	Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn (VLD)	34
2.2.2.1.	Vòng quay và kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn (VLD)	34
2.2.2.2.	Mức tiết kiệm VLD do tăng tốc độ luân chuyển vốn	35
2.2.2.3.	Hàm lượng vốn lưu động và tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động.....	35
2.2.2.4.	Chỉ tiêu phản ánh tốc độ quay vòng tiền.....	37
2.2.2.5.	Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển khoản phải thu	37
2.2.2.6.	Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho (HTK)	38
2.2.3	Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của vốn lưu động.....	39
2.2.3.1.	Sức sinh lời của vốn lưu động.....	39
2.2.3.2.	Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động	40
2.2.4	Hệ số khả năng thanh toán của doanh nghiệp	40
2.2.4.1.	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	40
2.2.4.2.	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn.....	41
2.2.4.3.	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	41
2.3.	Đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Việt Trung giai đoạn 2020 - 2022.....	42
2.3. 1	Điểm mạnh.....	42
2.3. 2	Hạn chế	43
2.3. 3	Đánh giá các chính sách sử dụng vốn lưu động của Công ty.....	43
CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2022		45
3.1.	Định hướng phát triển của Công ty TNHH Việt Trung đến năm 2025	45
3.2	Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Trung.....	46
3.2.1.	Xây dựng phương thức quản trị vốn kinh doanh.....	46
3.2.2.	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động	47
3.2.3.	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	52
3.2.4.	Hoàn thiện công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.....	54
KẾT LUẬN.....		59
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		60

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kết quả HĐKD của Công ty Việt Trung	32
Bảng 2.2: Cơ cấu vốn và nguồn vốn của Công ty Việt Trung	33
Bảng 2.3: Hiệu quả sử dụng vốn lưu động.....	34
Bảng 2.4: Mức tiết kiệm vốn lưu động	35
Bảng 2.5: Hàm lượng vốn lưu động và tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động	36
Bảng 2.6: Tốc độ quay vòng của tiền	37
Bảng 2.7: Vòng quay hàng tồn kho	38
Bảng 2.8: Sức sinh lời của vốn lưu động	39
Bảng 2.9: Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động.....	40
Bảng 2.10: Khả năng thanh toán tổng quát.....	40
Bảng 2.11: Khả năng thanh toán ngắn hạn	41
Bảng 2.12: Khả năng thanh toán nhanh	42

TÓM TẮT

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp luôn được đánh giá là mục tiêu quan trọng hàng đầu.

Trong giai đoạn 2020-2022, HQSDVLD của Việt Trung đã được cải thiện đáng kể, cụ thể: (1) Doanh thu có xu hướng tăng và kinh doanh có lãi; (2) Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn tăng; (3) Tốc độ quay vòng của hàng tồn kho ngày càng được cải thiện; Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng vốn lưu động của Việt Trung cũng gặp một số hạn chế như: (1) Cơ cấu vốn và nguồn vốn chưa thực sự hợp lý, (2) Khả năng thanh toán của Công ty khá thấp; (3) Lượng hàng tồn kho cao, vòng quay hàng tồn kho thấp; (4) Khả năng sinh lời của tổng tài sản, sinh lời theo vốn chủ thấp.

Nguyên nhân chính của thực trạng này là do: (1) Công tác quản lý vốn lưu động còn hạn chế; (2) Công tác quản lý nhân sự còn nhiều bất cập;

Nhằm nâng cao HQSDVLD, trong thời gian tới Việt Trung cần tập trung vào một số biện pháp như: (1) Xây dựng phương thức quản trị vốn kinh doanh; (2) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và (4) Hoàn thiện công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mỗi doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều cần vốn để duy trì hoạt động hằng ngày cũng như phát triển sản xuất. Từ trước đến nay, các nghiên cứu thường tập trung vào việc phân tích ra quyết định tài chính trong dài hạn, tuy nhiên các quyết định tài chính trong ngắn hạn cũng rất quan trọng và cần được nghiên cứu chi tiết cẩn thận. Do vậy phân tích vốn lưu động và quản trị nó đóng vai trò hết sức hữu ích đối với doanh nghiệp.

Mục tiêu chính của quản trị vốn lưu động là duy trì mức vốn tối ưu đối với từng thành phần trong vốn lưu động, thông qua quản lý các khoản phải thu, các khoản phải trả, hàng tồn kho và việc sử dụng tiền mặt hiệu quả cho hoạt động kinh doanh hằng ngày (Filbeck và Krueger - 2005). Nhằm đạt được điều này, các nhà quản trị tài chính luôn tìm cách xác định nhu cầu vốn lưu động ròng cần thiết và phù hợp nhất để cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả cho doanh nghiệp. Nhu cầu vốn lưu động tối ưu là mức vốn vừa đủ để doanh nghiệp vận hành trôi chảy, nó được định nghĩa như lượng vốn ít nhất, đã bao gồm tất cả các chi phí hoạt động để doanh nghiệp phát triển hiệu quả, mang lại giá trị cao nhất (Deloof - 2003; Howorth and Westhead - 2003; Afza và Nazir - 2007).

Kể từ năm 2008, khủng hoảng kinh tế thế giới gây ảnh hưởng khá lớn đến nền kinh tế của Việt Nam. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh khiến cho dòng vốn tự tài trợ không đủ, buộc họ phải vay nợ từ bên ngoài trong khi chi phí vay tại giai đoạn này vô cùng cao. Do đó, đây chính là thời điểm các doanh nghiệp nên nhìn lại chính sách quản trị vốn lưu động của mình. Đồng thời cần nắm rõ những nhân tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu vốn lưu động để giúp doanh nghiệp có sự điều tiết vốn hợp lý hơn, đảm bảo được cân bằng tài chính trong ngắn hạn, giảm thiểu những khó khăn như hiện nay. Hơn nữa, trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam, chiếm đa số và chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nguồn vốn hạn hẹp, thế nên,

để đảm bảo đủ nhu cầu vốn lưu động là vô cùng cần thiết và cần được quan tâm nhiều hơn nữa. Do vậy tác giả quyết định tiến hành nghiên cứu đề tài khóa luận là: “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung”.

2. Mục tiêu khóa luận

Ra quyết định quản trị vốn lưu động góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu Thủy Việt Trung

3. Đối tượng khóa luận

Các chỉ tiêu tài chính đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp.

4. Phương pháp khóa luận

Cách tiếp cận:

Đề tài tiếp cận quản trị tài chính trên góc độ sử dụng vốn lưu động.

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

✓ *Phương pháp phân tích tổng hợp:* Thu thập dữ liệu để tìm ra những quan điểm, luận điểm nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề làm khóa luận.

✓ *Phương pháp thu thập thông tin và số liệu:* Sử dụng số liệu thứ cấp, số liệu và thông tin được tập hợp từ báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung trong giai đoạn 2020-2022;

✓ *Phương pháp thống kê mô tả:* Mô tả những đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được qua các bảng.

✓ *Phương pháp phân tích dữ liệu chuỗi thời gian:* Sắp xếp các biến số theo trình tự thời gian để rút ra quy luật, so sánh, kết luận

✓ *Phương pháp xử lý số liệu:* phần mềm Ms EXCEL.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài được bố cục thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu Thủy Việt Trung

Chương 3: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu Thủy Việt Trung

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan chung về hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, phân loại doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp

Có nhiều cách hiểu về doanh nghiệp, theo quy định tại điều 7, Luật Doanh nghiệp 2014 thì: *“Doanh nghiệp là là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”*[12].

Theo giáo trình Tài chính doanh nghiệp (Học viện tài chính): *“Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hóa cho người tiêu dùng qua thị trường nhằm mục tiêu sinh lời”*[6,tr.12].

Dựa trên khái niệm về doanh nghiệp, Đoàn Minh Tuấn (2015) đưa ra khái niệm về Doanh nghiệp thương mại dịch vụ: *“Doanh nghiệp thương mại dịch vụ là một đơn vị kinh doanh được thành lập hợp pháp, nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại dịch vụ”*[16,tr26].

Như vậy có thể hiểu Doanh nghiệp thương mại dịch vụ (DNTMVT) là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Hiện nay, đáp ứng yêu cầu của thị trường, các doanh nghiệp thường hoạt động theo hướng đa ngành nghề, đăng ký kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Chính vì vậy một doanh nghiệp được coi là *“Doanh nghiệp thương mại dịch vụ nếu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của một doanh nghiệp, tức là doanh thu từ hoạt động thương mại*

dịch vụ chiếm tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp” [16, tr.28].

1.1.1.2. Phân loại doanh nghiệp

Nhằm phục vụ cho những mục đích nghiên cứu hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp thương mại-dịch vụ, các nhà phân tích có thể sử dụng nhiều cách phân loại khác nhau. Những cách phân loại cơ bản đó là:

- Thứ nhất, xét theo quy mô doanh nghiệp có thể chia thành:
 - + Một, Doanh nghiệp thương mại-dịch vụ quy mô lớn;
 - + Hai, Doanh nghiệp thương mại-dịch vụ quy mô vừa;
 - + Ba, Doanh nghiệp thương mại-dịch vụ quy mô nhỏ;
 - + Bốn, Doanh nghiệp thương mại-dịch vụ quy mô siêu nhỏ.

Tiêu chí để phân biệt doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ tại các quốc gia khác nhau có những khác biệt nhất định. Tuy nhiên, đặc điểm chung đó là, các Doanh nghiệp quy mô lớn có trình độ tích tụ vốn lớn, có, có thể thu hút được lực lượng lao động có trình độ cao khả năng cạnh tranh mạnh, quy mô thị trường lớn. Trong khi đó, các Doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa thường có lượng nhân lực hạn chế, quy mô vốn nhỏ và quy mô về thị trường hạn chế.

Bảng 1. 1: Phân loại quy mô doanh nghiệp

Tiêu chí	DN siêu nhỏ	DN nhỏ	DN vừa	DN lớn
Tổng nguồn vốn	Dưới 3 tỷ	Từ 3 - 50 tỷ đồng	Từ 50 - 100 tỷ đồng	Từ trên 100 tỷ đồng
Tổng số lao động	Dưới 10 người	Từ trên 10 - 50 lao động	Từ trên 50 - 100 lao động	Từ trên 100 lao động

Nguồn: Quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018

- Thứ hai, căn cứ vào tính chất của mặt hàng kinh doanh có thể chia thành:

- *Một là: Doanh nghiệp kinh doanh chuyên môn hóa:* đó là các doanh nghiệp chuyên kinh doanh một hoặc một số mặt hàng có cùng công dụng, trạng thái hoặc tính chất nhất định.
- *Hai là: Các doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp:* là các doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng có công dụng, trạng thái, tính chất khác nhau.
- *Ba là: Các doanh nghiệp kinh doanh đa dạng hóa (hỗn hợp):* các doanh nghiệp kinh doanh cả sản xuất, cả kinh doanh hàng hóa và thực hiện các hoạt động dịch vụ thương mại
 - *Thứ ba, Căn cứ theo chế độ sở hữu tư liệu sản xuất có thể chia thành*
 - *Doanh nghiệp nhà nước:* là DN được nhà nước đầu tư hoặc cấp 100% vốn kinh doanh.
 - *Doanh nghiệp tập thể:* là DN mà vốn kinh doanh do tập thể người lao động tự nguyện góp vào để kinh doanh.
 - *Các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh.*
 - *Doanh nghiệp tư nhân:* do các tư nhân trong nước và nước ngoài bỏ vốn kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn lưu động

1.1.2.1. Khái niệm vốn lưu động

Về mặt khái niệm, vốn kinh doanh có thể được hiểu như sau: “*Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ giá trị tài sản được huy động, sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lời*”[11, tr.23].

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh TSCĐ doanh nghiệp còn phải có một lượng tài sản ngắn hạn (TSNH) nhất định. Để hình thành nên các TSNH, doanh nghiệp phải ứng trước một số vốn tiền tệ nhất định đầu tư vào các tài sản đó. Số vốn này được gọi là VLD của doanh

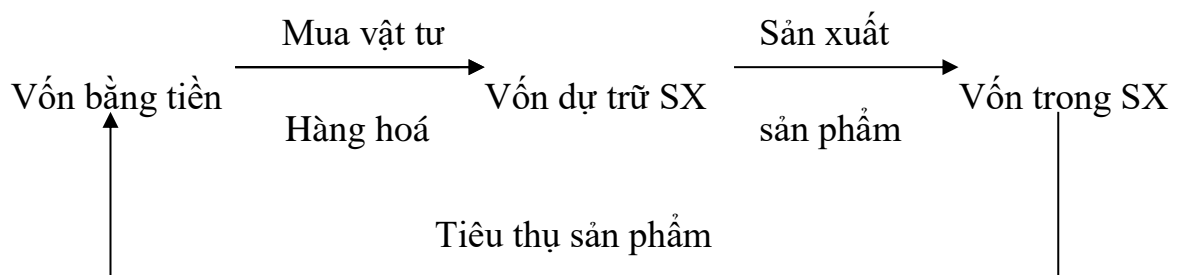
ngiệp, do đó: “VLD của doanh nghiệp là số vốn ứng ra để hình thành nên các TSNH nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục. VLD luân chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và thu hồi toàn bộ, hoàn thành một vòng luân chuyển khi kết thúc một chu kỳ kinh doanh”[11,tr.61].

VLD có hình thức biểu hiện là các TSNH và được chia thành hai loại: TSNH phục vụ cho sản xuất và TSNH phục vụ lưu thông.

+ TSNH phục vụ cho sản xuất: bao gồm những vật tư dự trữ để đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục như nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... và những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất như sản phẩm dở dang, bán thành phẩm...

+ TSNH phục vụ lưu thông: là những TSNH nằm trong quá trình lưu thông của doanh nghiệp như thành phẩm nằm trong kho chờ tiêu thụ, vốn bằng tiền, vốn trong thanh toán...

Qua một chu kỳ sản xuất, kinh doanh vốn lưu động chuyển hoá thành nhiều hình thái khác nhau. Đầu tiên khi tham gia vào quá trình sản xuất vốn lưu động thể hiện dưới trạng thái sơ khai của mình là tiền tệ, qua các giai đoạn nó dần chuyển thành các sản phẩm dở dang hay bán thành phẩm. Giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh vốn lưu động được chuyển hoá vào sản phẩm cuối cùng. Khi sản phẩm này được bán trên thị trường sẽ thu về tiền tệ hay hình thái ban đầu của vốn lưu động. Chúng ta có thể mô tả trong chu trình sau:



*** Đặc điểm luân chuyển của VLD**

Trong quá trình tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bị chi phối bởi các đặc điểm của TSNH nên VLD của doanh nghiệp có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, VLD trong quá trình chu chuyển luôn thay đổi hình thái biểu hiện. Đối với doanh nghiệp sản xuất, hình thái biểu hiện của VLD là tiền - vật tư dự trữ, sản phẩm dở dang - thành phẩm hàng hoá - tiền. Đối với doanh nghiệp thương mại, VLD có hình thái biểu hiện là tiền - hàng - tiền. Doanh nghiệp cần nắm rõ các hình thái biểu hiện này để có biện pháp quản lý VLD.

Thứ hai, VLD chuyển toàn bộ giá trị ngay trong một lần và được hoàn lại toàn bộ sau mỗi chu kỳ kinh doanh. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa VLD và VCD.

Thứ ba, VLD hoàn thành một vòng tuần hoàn sau một chu kỳ kinh doanh. Đặc điểm này cho thấy kết thúc một chu kỳ kinh doanh cũng là lúc VLD trở lại hình thái tiền tệ ban đầu.

Đặc điểm của vốn lưu động có thể tóm tắt như sau:

- Vốn lưu động lưu chuyển nhanh
- Vốn lưu động dịch chuyển một lần vào quá trình sản xuất, kd
- Vốn lưu động hoàn thành một vòng tuần hoàn sau khi hoàn thành một quá trình sản xuất kinh doanh

Quá trình vận động của vốn lưu động là một chu kỳ khép kín từ hình thái này sang hình thái khác rồi trở về hình thái ban đầu với giá trị lớn hơn giá trị ban đầu. Chu kỳ vận động của vốn lưu động là cơ sở đánh giá khả năng thanh toán và hiệu quả sản xuất kinh doanh của, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Điều khác biệt lớn nhất giữa vốn lưu động và vốn cố định là: vốn cố định chuyển dần giá trị của nó vào sản phẩm thông qua mức khấu hao, còn vốn lưu động chuyển toàn bộ giá trị của nó vào giá trị sản phẩm theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

*** Phân loại VLD**

Để thuận lợi cho việc quản lý VLD, người ta tiến hành phân loại VLD theo các cách sau:

✓ *Dựa theo hình thái biểu hiện của vốn:*

- Vốn bằng tiền và các khoản phải thu: phần VLD này không được thể hiện dưới một lượng vật chất cụ thể mà chỉ biểu hiện dưới dạng nguồn lực. Đây là phần VLD có tính thanh khoản cao mà doanh nghiệp cần có trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Vốn về hàng tồn kho: được biểu hiện dưới hình thái vật chất cụ thể, bao gồm: vốn vật tư dự trữ, vốn sản phẩm dở dang, vốn thành phẩm. Đây là bộ phận VLD có tính thanh khoản không cao do đó các doanh nghiệp cần có kế hoạch dự trữ hàng tồn kho hợp lý.

✓ *Dựa vào vai trò của VLD đối với quá trình sản xuất kinh doanh:*

- VLD trong khâu dự trữ sản xuất, bao gồm: vốn nguyên, vật liệu chính; vốn vật liệu phụ; vốn nhiên liệu; vốn phụ tùng thay thế; vốn vật đóng gói, vốn công cụ dụng cụ nhỏ.

- VLD trong khâu trực tiếp sản xuất, bao gồm: vốn sản phẩm đang chế tạo; vốn về chi phí trả trước.

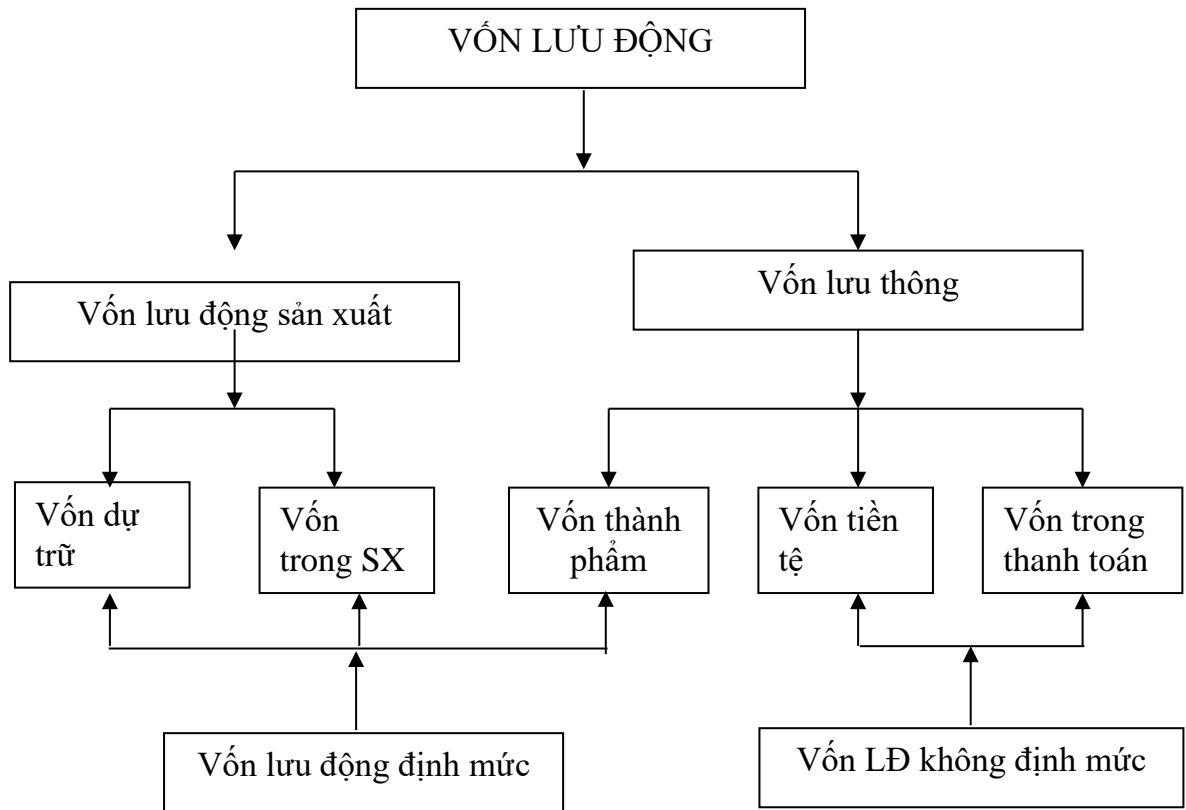
- VLD trong khâu lưu thông, bao gồm: vốn thành phẩm; vốn bằng tiền; vốn trong thanh toán, các khoản đầu tư ngắn hạn về chứng khoán, cho vay ngắn hạn...

Mỗi cách phân loại trên đều đạt được yêu cầu nhất định trong công tác quản lý và sử dụng VLD. Nó giúp doanh nghiệp xác định đúng trọng điểm và biện pháp quản lý, sử dụng VLD hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

Tóm lại, từ đặc điểm của VCD và VLD đòi hỏi công tác quản lý vốn của doanh nghiệp phải được quan tâm. Để bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng VCD thì cần phải quản lý VCD trên cả hai mặt hình thái hiện vật và giá trị.

Muốn quản lý tốt và nâng cao hiệu quả sử dụng VLD, doanh nghiệp phải quản lý trên tất cả các biểu hiện của nó.

Sơ đồ cơ cấu vốn lưu động của doanh nghiệp



- **Các hình thái biểu hiện của vốn lưu động**

Vốn lưu động xét dưới góc độ tài sản là biểu hiện bằng tiền của tài sản lưu động. Tài sản lưu động là những tài sản ngắn hạn và thường xuyên luân chuyển trong quá trình kinh doanh. Bao gồm:

Khoản mục tiền gồm: tiền có tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và chứng khoán thanh khoản cao. Khoản mục này thường phản ánh các khoản mục không sinh lời hoặc khả năng sinh lời thấp

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán ngắn hạn, góp vốn kinh doanh ngắn hạn.

Các khoản phải thu: thực chất của việc quản lý các khoản phải thu trong doanh nghiệp là việc quản lý và hoàn thiện chính sách tín dụng thương mại

của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường chính sách tín dụng thương mại hợp lý vừa là công cụ cạnh tranh của doanh nghiệp đồng thời cũng giúp cho doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn quá lớn sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

Hàng tồn kho bao gồm: nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm dở dang, thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hoá

Tài sản lưu động khác là biểu hiện bằng tiền của các khoản tạm ứng, chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển đây là những khoản mục cần thiết phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- ***Các giải pháp huy động vốn lưu động***

Hiện nay hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đang trong tình trạng thiếu vốn kinh doanh nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vấn đề là phải làm thế nào cho doanh nghiệp có thể huy động tối đa các nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trên thực tế có nhiều giải pháp huy động vốn ngắn hạn và dài hạn.

- ***Huy động vốn lưu động thường xuyên***

Vốn lưu động dài hạn có thể là vốn tự có của các cổ đông đóng vào. Trong hoạt động kinh doanh vốn lưu động dài hạn có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên thị trường. Bên cạnh các nguồn có thể huy động trong nội bộ doanh nghiệp còn có thể huy động vốn lưu động từ các nguồn sau:

- + Phát hành cổ phiếu
- + Phát hành chứng khoán có thể chuyển đổi
- + Phát hành trái phiếu Công ty
- + Vay vốn dài hạn và vốn trung hạn của ngân hàng
- + Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại theo hình thức tín dụng thuê mua
- + Liên kết đầu tư dài hạn với các doanh nghiệp trong ngoài nước để phát triển Công ty

- ***Các hình thức huy động vốn lưu động ngắn hạn***

Tuỳ vào điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp mà lựa chọn các biện pháp huy động vốn lưu động ngắn hạn như:

Vay ngắn hạn của các ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, vay cán bộ công nhân viên.

+ Hưởng tín dụng của các nhà cung ứng

+ Tận dụng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp

1.1.2.2. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp

Có thể nói một trong những biện pháp chủ yếu để bảo toàn và phát triển vốn là quản lý và sử dụng có hiệu quả. Hiệu quả sử dụng vốn có ảnh hưởng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Từ các góc độ nhìn nhận khác nhau, quan điểm về hiệu quả sử dụng vốn cũng có những cách hiểu khác nhau. Nhưng nói chung, việc sử dụng vốn có hiệu quả là phải nhằm đạt được kết quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí bỏ ra thấp nhất.

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp đứng từ góc độ kinh tế là tối đa hóa lợi nhuận. Như vậy có thể hiểu là với một lượng vốn nhất định bỏ vào hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ đem lại lợi nhuận cao nhất và làm cho đồng vốn không ngừng sinh sôi nảy nở, tức là hiệu quả sử dụng vốn thể hiện ở hai mặt: bảo toàn được vốn và tạo ra được các kết quả theo mục tiêu kinh doanh, trong đó đặc biệt là kết quả về mức sinh lời của đồng vốn

Bên cạnh đó, phải chú ý cả mặt tối thiểu hóa lượng vốn và thời gian sử dụng vốn của doanh nghiệp. Kết quả sử dụng vốn phải thỏa mãn được lợi ích của doanh nghiệp và các nhà đầu tư ở mức mong muốn cao nhất, đồng thời nâng cao được lợi ích xã hội.

Nếu xét trên góc độ tài chính doanh nghiệp thì ngoài mục tiêu lợi nhuận, sử dụng vốn có hiệu quả còn phải đảm bảo an toàn, lành mạnh về mặt tài chính, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trước mắt và lâu dài, do đó: *“Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp là một phạm*

trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi tối đa với chi phí hoạt động là thấp nhất”[15].

Quản trị sử dụng vốn của doanh nghiệp bản chất là “quản lý, sử dụng một nguồn lực (thể hiện giá trị bằng tiền) dưới các hình thái khác nhau (tài sản cố định, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu, nhiên liệu,..., tiền mặt) với mục đích tối ưu hiệu quả cho doanh nghiệp trong từng thời kỳ (phát triển, mở rộng, ổn định, lợi nhuận...)”[15,tr.29].

Hiệu quả sử dụng vốn được lượng hoá thông qua hệ thống các chỉ tiêu về “khả năng sinh lời”, “khả năng thanh khoản”, “hiệu quả sử dụng tài sản”, “cơ cấu vốn”, “vòng quay hàng tồn kho”, “kỳ thu tiền bình quân”... Nó phản ánh quan hệ giữa đầu ra và đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh thông qua thước đo tiền tệ hay cụ thể là mối quan hệ giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí vốn bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó doanh nghiệp muốn đạt được mục tiêu tăng trưởng và tối đa hoá giá trị doanh nghiệp cần phải đặt vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động lên hàng đầu.

Tóm lại: HQSDV lưu động của DN phản ánh trình độ huy động và sử dụng nguồn lực của DN để tạo ra kết quả đầu ra tối ưu. Các chỉ tiêu phản ánh HQSDV lưu động của DN được xây dựng thông qua mối quan hệ tỷ lệ giữa các đại lượng kinh tế thể hiện tốc độ luân chuyển, khả năng sinh lời và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

1.2. Hiệu quả và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp

Trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi sang cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp phải linh hoạt thích ứng với cơ chế mới có thể tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng khó khăn, khốc liệt. Và như vậy vấn đề hiệu quả phải là mối quan tâm hàng đầu, yêu cầu sống còn của doanh nghiệp.

Hiệu quả được hiểu theo nghĩa chung nhất là một chỉ tiêu phản ánh trình độ sử dụng các yếu tố cần thiết, tham gia mọi hoạt động theo mục đích nhất định của con người. Về cơ bản vấn đề hiệu quả phản ánh trên hai mặt: hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Hiệu quả sử dụng vốn là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của doanh nghiệp để đạt kết quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất.

Đứng từ góc độ kinh tế xem xét thì hiệu quả kinh doanh của được thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận, hay nói cách khác chỉ tiêu lợi nhuận nói nên hiệu quả sử dụng vốn ở một góc độ nào đó

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động được biểu hiện bằng mối quan hệ giữa kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với số vốn lưu động đầu tư cho hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn lưu động} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}}$$

1.2.1. Sự cần thiết phải quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Như trên đã phân tích vốn lưu động đóng một vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh không thể thiếu vốn lưu động. Chính vì vậy việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động là không thể thiếu và là việc cần đối với doanh nghiệp. Đó là nguyên nhân chủ quan từ phía doanh nghiệp cảm thấy cần phải tiến hành quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Bên cạnh đó yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động còn xuất phát từ nhiều yếu tố khác.

- ***Xuất phát từ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp***

Các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hoạt động vì mục tiêu tối đa hoá giá trị của doanh nghiệp. Giá trị của mỗi doanh nghiệp được hiểu là toàn

bộ những của cải vật chất tài sản của doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của doanh nghiệp được thể hiện qua các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu. Mục tiêu cuối cùng của các hoạt động đó là tăng thêm vốn chủ sở hữu và tăng thêm lợi nhuận nhiều hơn. Bởi vì lợi nhuận là đòn bẩy quan trọng là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính vì mục tiêu đó, việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh nói chung và vốn lưu động nói riêng là cần thiết đối với doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động là một trong số nhiều biện pháp doanh nghiệp cần phải đạt được để thực hiện mục tiêu của mình nhưng nó đóng vai trò quan trọng hơn bởi vì vai trò quan trọng của vốn lưu động.

- ***Xuất phát từ vai trò quan trọng của vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh***

Vốn lưu động là một bộ phận quan trọng cấu tạo nên vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Không có vốn lưu động doanh nghiệp không thể nào tiến hành được các hoạt động sản xuất kinh doanh, nó xuất hiện trong hầu hết các giai đoạn của toàn bộ quá trình sản xuất của doanh nghiệp: từ khâu dự trữ sản xuất đến lưu thông. Chính vì vậy việc sử dụng vốn lưu động có hiệu quả hay không ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chu kỳ vận động của vốn lưu động là tương đối ngắn chỉ trong một chu kỳ sản xuất tuy nhiên chu kỳ đó lại ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Việc tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- ***Xuất phát từ ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn***

Điểm quan trọng của vốn lưu động là giá trị của nó chuyển ngay một lần vào giá trị sản phẩm. Vì vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động sẽ làm cho việc sử dụng vốn hợp lý hơn, vòng quay vốn nhanh hơn tốc độ chu

chuyển vốn do đó tiết kiệm được vốn lưu động cho toàn bộ quá trình sản xuất.

Quá trình sản xuất là một quá trình liên tục qua nhiều công đoạn khác nhau. Nếu vốn bị ứ đọng ở một khâu nào đó thì sẽ gây ảnh hưởng ở các công đoạn tiếp theo và làm cho quá trình sản xuất bị chậm lại, có thể gây ra sự lãng phí. Trước khi tiến hành sản xuất doanh nghiệp phải lập ra các kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch đó. Việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động chính là một phần đảm bảo sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp

Để đánh giá được hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp có rất nhiều phương pháp khác nhau. Phương pháp quan trọng nhất là phương pháp so sánh một cách hệ thống các chỉ tiêu tài chính qua các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp để thấy được năm nay doanh nghiệp đã sử dụng vốn lưu động tốt bằng năm ngoái chưa, có tiết kiệm được vốn lưu động không

Chúng ta sẽ đi vào xem xét một hệ thống các chỉ tiêu tài chính có thể đánh giá toàn diện và sâu sắc hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp. Đó là các chỉ tiêu:

- ***Chỉ tiêu tốc độ chu chuyển vốn lưu động***

Tốc độ luân chuyển vốn lưu động là chỉ tiêu phản ánh tốc độ quản lý, sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp. Nó thể hiện tình hình tổ chức về mọi mặt như: mua sắm, dự trữ, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động có ý nghĩa quan trọng góp phần giải quyết nhu cầu về vốn lưu động cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nó bao gồm ba chỉ tiêu quan trọng là: Vòng quay vốn lưu động, tốc độ chu chuyển vốn lưu động, và hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

1.2.3.1. *Vòng quay vốn lưu động*

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân trong kỳ}}$$

Đây là một chỉ tiêu phản ánh chất lượng tổng hợp phản ánh hiệu quả chung của doanh nghiệp trong việc quản lý và sử dụng vốn lưu động trong mối quan hệ so sánh giữa kết quả sản xuất kinh doanh (tổng doanh thu thuần) và số vốn lưu động bình quân (VLĐBQ) được tính như sau:

$$\text{VLĐBQ} = \frac{\text{VLĐ đầu kỳ} + \text{VLĐ cuối kỳ}}{2}$$

Chỉ tiêu này cho chúng ta biết số vốn lưu động quay được mấy vòng trong một chu kỳ kinh doanh. Về phương diện hiệu quả sử dụng vốn lưu động chỉ tiêu này càng cao càng tốt. Điều đó có nghĩa là vòng quay vốn lưu động càng nhiều cho thấy doanh nghiệp cần ít vốn lưu động cần thiết cho kinh doanh, do đó có thể làm giảm vốn lưu động đi vay nếu doanh nghiệp phải đi vay vốn lưu động để tiến hành sản xuất kinh doanh. Ý nghĩa của việc tăng nhanh vòng quay vốn lưu động mà vẫn đảm bảo được mức luân chuyển hàng hoá như cũ thì chỉ cần với một mức vốn lưu động thấp hơn hoặc với mức vốn lưu động như cũ thì đảm bảo luân chuyển được một khối lượng hàng hoá lớn hơn

1.2.3.2. *Chỉ tiêu thời gian luân chuyển vốn lưu động*

$$\text{Thời gian luân chuyển vốn lưu động} = \frac{\text{Số ngày quy ước trong kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay VLĐ trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết độ dài của vòng quay vốn lưu động, tức là số ngày cần thiết của một vòng quay vốn lưu động. Chỉ tiêu này có ý nghĩa ngược với chỉ tiêu vòng quay vốn lưu động có nghĩa là số ngày luân chuyển vốn lưu động mà càng ngắn chứng tỏ vốn lưu động được luân chuyển ngày càng nhiều trong kỳ phân tích, chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn lưu động hiệu quả.

Về mặt bản chất chỉ tiêu này phản ánh sự phát triển của trình độ kinh doanh, của công tác quản lý, của kế hoạch và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Vòng quay vốn lưu động có sự gia tăng đột biến chứng tỏ hàng hoá doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh có sức tiêu thụ mạnh, doanh thu cao dẫn đến phần lợi nhuận tương ứng cũng tăng mạnh. Nếu không hoàn thành một chu kỳ luân chuyển có nghĩa là vốn lưu động còn ứ đọng ở một khâu nào đó, cần tìm biện pháp khai thông kịp thời.

1.2.3.3. *Chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động*

Hai chỉ tiêu trên là hai chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển vốn lưu động ngoài ra còn có chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

$$\text{Hệ số đảm nhiệm VLĐ} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân}}{\text{Tổng doanh thu thuần}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng luân chuyển thì cần mấy đồng vốn lưu động. Hệ số này càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao

1.2.3. *Mức tiết kiệm vốn lưu động*

Mức tiết kiệm vốn lưu động có được do sự thay đổi tốc độ luân chuyển vốn lưu động chỉ tiêu này được xác định theo công thức:

$$V_{TK} = \frac{K_{KH} - K_{BC}}{K_{BC}} * O_{bqKH}$$

Hoặc:

$$V_{TK} = \frac{V_{BC} - V_{KH}}{T} * DT_{KH}$$

B: Là số vốn lưu động tiết kiệm (lãng phí)

K_{BC} Số vòng quay vốn lưu động kỳ báo cáo

K_{KH} Số vòng quay của vốn lưu động kỳ kế hoạch

O_{bqKH} Số dư vốn lưu động bình quân kỳ kế hoạch

V_{BC} Số ngày một vòng quay vốn lưu động kỳ báo cáo

V_{KH} Số ngày một vòng quay vốn lưu động kỳ kế hoạch

DT_{KH} Doanh số bán hàng kỳ kế hoạch

Nếu thời gian luân chuyển vốn lưu động kỳ này ngắn hơn kỳ trước thì doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được vốn lưu động. Số vốn lưu động tiết kiệm được có thể sử dụng vào mục đích khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nếu thời gian luân chuyển vốn lưu động kỳ này dài hơn kỳ trước thì doanh nghiệp đã lãng phí vốn lưu động.

1.2.4. Chỉ tiêu sức sinh lời vốn lưu động

Sức sinh lời của vốn lưu động được tính theo công thức sau:

$$\text{Sức sinh lời VLD} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Chỉ tiêu này còn được gọi là doanh lợi vốn lưu động, nó phản ánh khả năng sinh lời của vốn lưu động. Chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này càng cao cho biết doanh nghiệp đã sử dụng vốn lưu động có hiệu quả, ngược lại chỉ tiêu này thấp có nghĩa là lợi nhuận trên một đồng vốn là nhỏ. Doanh nghiệp được đánh giá là sử dụng vốn lưu động kém hiệu quả hay không là chỉ tiêu này phản ánh một phần.

1.2.5. Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động

$$\text{Hệ số sức sản xuất VLD} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn lưu động bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn lưu động đem lại bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng lớn.

1.2.6. Các chỉ số về hoạt động

$$+ \text{Vòng quay tiền} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tiền mặt và các tài sản tương đương tiền bình quân}}$$

$$\text{Thời gian thực hiện một vòng quay tiền} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn lưu động bình quân}}$$

+ Vòng quay các khoản phải thu: hệ số phản ánh tốc độ thay đổi các khoản thu thành tiền mặt của các doanh nghiệp và được xác định theo công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản thu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu

+ Kỳ thu tiền bình quân: phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi các khoản phải thu. Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì chỉ tiêu này càng nhỏ và ngược lại. Chỉ tiêu này được xác định theo công thức:

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Các khoản phải thu bình quân}}{\text{Doanh thu bình quân ngày}}$$

+ Số vòng quay hàng tồn kho: là số lần mà hàng hoá tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ. Số vòng hàng tồn kho càng cao việc kinh doanh được đánh giá càng tốt, bởi lẽ doanh nghiệp chỉ cần đầu tư cho hàng tồn kho thấp nhưng vẫn đạt được doanh số cao. Số vòng quay hàng tồn kho được xác định

theo công thức:

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}} + \text{Thời gian một vòng quay hàng tồn kho}$$
$$= \frac{360}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

$$\text{Thời gian một vòng quay hàng tồn kho} = \frac{360}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

Chỉ tiêu cho biết kỳ đặt hàng bình quân của doanh nghiệp là bao nhiêu ngày.

$$\text{Hệ số quay kho vật tư} = \frac{\text{Giá trị NVL sử dụng trong kỳ}}{\text{Giá trị NVL tồn kho bình quân}}$$

Chỉ tiêu này càng lớn thì hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu càng cao, lượng nguyên vật liệu ứ đọng ít.

1.2.7. Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn của các nhân tố khác nhau. Những nhân tố này gây ra ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng nhà quản trị tài chính phải xác định và xem xét những nhân tố tác động tới quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra được các giải pháp cụ thể. Các nhân tố này có thể xem xét dưới các góc độ:

1.2.8. Các nhân tố có thể lượng hoá

Đó là các nhân tố mà khi chúng thay đổi sẽ làm thay đổi các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động về mặt lượng. Các nhân tố này chúng ta có thể dễ dàng thấy qua các chỉ tiêu như: doanh thu thuần, hao mon

vô hình, rủi ro, vốn lưu động bình quân trong kỳ. Khi xem xét ảnh hưởng của các nhân tố này tới hiệu quả sử dụng vốn lưu động chúng ta giả sử các nhân tố khác không thay đổi

Để làm giảm tác động của các nhân tố này, đòi hỏi nhà quản trị tài chính doanh nghiệp quản lý vốn lưu động một cách có hiệu quả. Vì vốn lưu động có ba thành phần chính là: tiền mặt, dự trữ và các khoản phải thu nên phương pháp này tập trung vào quản lý ba đối tượng trên:

- Quản lý tiền mặt đề cập đến việc quản lý tiền giấy và tiền gửi ngân hàng. Việc quản lý tiền mặt có liên quan chặt chẽ đến việc quản lý chứng khoán thanh khoản cao bởi vì việc chuyển từ tiền mặt sang chứng khoán thanh khoản cao hoặc ngược lại từ chứng khoán thanh khoản cao sang tiền mặt là một việc dễ dàng, tốn kém ít chi phí.

Doanh nghiệp không nên giữ quá nhiều tiền mặt tại quỹ tài chính, vì vậy khi có nhu cầu đột xuất về tiền mặt thì doanh nghiệp có thể đi vay ngắn hạn tại các ngân hàng. Việc này tốt hơn so với việc bán chứng khoán, vì nếu cần tiền trong thời gian ngắn mà bán chứng khoán là không có lợi. Trong trường hợp này để tối đa hoá doanh lợi dự kiến, doanh nghiệp nên điều chỉnh việc giữ tiền cho đến khi:

Chi phí của việc giữ tiền mặt

Lãi suất chứng khoán

=

Chi phí vay tiền

Lãi suất vay

Tóm lại việc lựa chọn quản lý tiền mặt như thế nào còn phụ thuộc rất nhiều vào trình độ quản lý, xem xét thực trạng hoạt động của doanh nghiệp của các nhà quản trị tài chính.

- Quản lý dự trữ: dự trữ là một bộ phận quan trọng của vốn lưu động, là nhân tố đầu tiên, cần thiết cho quan trọng sản xuất kinh doanh, vì thế việc quản lý dự trữ có hiệu quả là góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Mức dự trữ vật tư hợp lý sẽ quyết định mức dự trữ tiền mặt hợp lý. Nếu doanh nghiệp dự trữ quá lớn sẽ tốn kém chi phí, ứ đọng vốn, còn nếu dự trữ

quá ít sẽ làm cho quá trình sản xuất kinh doanh gián đoạn gây ra nhiều hậu quả tiếp theo như mất thị trường, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Có nhiều cách khác nhau để xác định mức dự trữ tối ưu. Theo phương pháp cổ điển (mô hình đặt hàng hiệu quả nhất) EQQ, mô hình này dựa trên giả định những lần đặt hàng hoá là bằng nhau, theo mô hình này mức dự trữ tối ưu là:

$$Q^* = \sqrt{\frac{2 * D * C_2}{C_1}}$$

Q^* là mức dự trữ tối ưu

D là toàn bộ lượng hàng hoá cần sử dụng

C_1 là chi phí lưu kho cho một đơn vị hàng hoá

C_2 là toàn bộ chi phí mỗi lần đặt hàng

Điểm đặt hàng lại: về lý thuyết ta giả định khi hết hàng mới tiến hành nhập kho hàng mới. Nhưng thực tế hầu như không bao giờ như vậy, nếu đặt hàng quá sớm sẽ làm tăng chi phí lưu kho vì thế cần xác định lại điểm đặt hàng mới.

Thời điểm đặt hàng mới = Số lượng NVL sử dụng hàng ngày * Độ dài thời gian giao hàng

- Quản lý các khoản phải thu: trong nền kinh tế thị trường doanh nghiệp muốn bán được hàng thì phải áp dụng nhiều chính sách, biện pháp để lôi kéo khách hàng đến với mình. Chính sách tín dụng thương mại là một công cụ hữu hiệu không thể thiếu đối với doanh nghiệp. Vì chính sách tín dụng thương mại có những mặt tích cực và tiêu cực nên nhà quản trị tài chính doanh nghiệp cần phải phân tích, nghiên cứu và ra những quyết định xem có nên cấp chính sách tín dụng thương mại cho những đối tượng khách hàng hay không. Đó là việc quản lý các khoản phải thu. Nội dung của công tác quản lý các khoản phải thu là:

Phân tích khả năng tín dụng của khách hàng xem khách hàng có những điều kiện cần thiết để được hưởng tín dụng thương mại hay không thì chúng ta còn phải tiến hành phân tích khả năng tín dụng của khách hàng. Khi phân tích khả năng tín dụng của khách hàng người ta thường dùng những chỉ tiêu tín dụng sau:

- Phẩm chất, tư cách tín dụng nói nên tinh thần trách nhiệm của khách hàng trong việc trả nợ
- Vốn: tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tài chính của khách hàng
- Năng lực trả nợ: dựa trên việc đánh giá các chỉ tiêu thanh toán và bảng dự trữ ngân quỹ của họ.
- Thế chấp: các tài sản mà khách hàng sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ
- Theo dõi các khoản phải thu: việc theo dõi thường xuyên các khoản phải thu theo một phương pháp phân tích thích hợp là hết sức quan trọng, nó giúp doanh nghiệp có thể kịp thời thay đổi chính sách tín dụng thương mại phù hợp với tình hình thực tế

1.2.9. Các nhân tố phi lượng hoá

Là những nhân tố mang tính định tính và tác động của chúng đối với hiệu quả sử dụng vốn là không thể tính toán được. Các nhân tố này bao gồm các nhân tố khách quan và các nhân tố chủ quan

Các nhân tố khách quan là những nhân tố như: đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp, các chính sách kinh tế tài chính của Nhà nước đối với lĩnh vực doanh nghiệp đang hoạt động, thị trường và sự tăng trưởng nền kinh tế. Các nhân tố này có một ảnh hưởng nhất định tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chẳng hạn như với chính sách tài chính kinh tế của Nhà nước có tác động trực tiếp với vai trò tạo hành lang an toàn để các doanh nghiệp hoạt động và đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các ngành kinh tế của cả nước. Nhà nước có thể khuyến khích, thúc đẩy hoặc kìm

hãm sự phát triển của một số ngành kinh doanh bằng những công cụ kinh tế của mình. Điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Các nhân tố chủ quan là các nhân tố nằm trong nội bộ doanh nghiệp nó tác động trực tiếp đến việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng và vốn kinh doanh nói chung. Các nhân tố đó là trình độ quản lý vốn kinh doanh của những nhà điều hành doanh nghiệp, trình độ tổ chức trình độ quản trị nhân sự và trình độ tổ chức quá trình luân chuyển hàng hoá. Đó là các nhân tố quan trọng nhất đối với doanh nghiệp. Nhà quản trị tài chính doanh nghiệp phải biết tổ chức, sắp xếp mọi thứ một cách hợp lý, chặt chẽ và khoa học để mọi công việc diễn ra nhịp nhàng, ăn khớp và tránh được lãng phí. Có như vậy mới đảm bảo được hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Từ việc nghiên cứu, tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp, chúng ta có một cái nhìn khái quát hơn để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.

1.2.10. Bảo toàn vốn lưu động

- Về hiện vật:

$$\frac{\text{Tổng VLD đầu kỳ}}{\text{Giá một đơn vị hàng hoá}} = \frac{\text{Tổng VLD cuối kỳ}}{\text{Giá một đơn vị hàng hoá}}$$

- Về giá trị: phải xác định được số vốn lưu động phải bảo toàn đến cuối năm

$$\text{Số VĐ phải bảo toàn đến cuối năm} = \text{VĐ được giao đầu năm} * \text{Hệ số trượt giá VĐ trong năm}$$

Nói cách khác vốn lưu động đầu kỳ và cuối kỳ phải tương đương (có sức mua như nhau)

Các biện pháp cụ thể là:

+ Xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp hợp lý, xác định mức

dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá vừa đủ để đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho sản xuất đủ hàng để bán, không gây thiếu hụt, ứ đọng trong sản xuất, kinh doanh

+ Một mặt hạn chế hàng hoá kém, mặt phẩm chất bằng tăng cường công tác bảo quản; mặt khác tích cực xử lý các hàng hoá chậm luân chuyển, hàng hoá ứ đọng.

+ Tăng cường luân chuyển hàng hoá bằng các biện pháp khác nhau

+ Xác định cơ cấu các nhóm hàng hoá làm cơ sở tính toán bảo toàn vốn lưu động đối với các bộ phận dự trữ hàng hoá

+ Tổ chức tốt công tác thanh toán, giảm công nợ dây dưa

+ Thành lập quỹ dự phòng tài chính để bù đắp trượt giá bảo toàn vốn

Quỹ dự phòng tài chính để bảo toàn vốn lưu động = doanh số bán trong kỳ
* tỷ lệ bảo toàn vốn lưu động

+ Xác định phương pháp quản lý vốn lưu động đối với xí nghiệp, cửa hàng trực thuộc doanh nghiệp

Bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn lưu động có tầm quan trọng đặc biệt. Tuy nhiên nó lại là kết quả tổng hợp của các khâu, các hoạt động kinh doanh từ xác định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện đến quản lý, hạch toán, theo dõi, kiểm tra vì vậy cần phải được tiến hành đồng bộ.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ TÀU THỦY VIỆT TRUNG

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Tên Công ty : Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung.

Địa chỉ : Số 14/26 Tập thể xăng dầu, P.Sở Dầu, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung (Công ty) là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập và được sử dụng con dấu riêng theo quy định của nhà nước.

Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung thành lập vào tháng 9/2008.

Công ty TNHH là Công ty Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung được hình thành trong thời kỳ đất nước đang trên đà phát triển và đổi mới. Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung là một trong những doanh nghiệp được thành lập nhằm góp phần vào sự nghiệp phát triển và đổi mới của xã hội.

Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, đến nay Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung đã vươn lên trở thành một Công ty có uy tín, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường đóng tàu thuyền. Đã tham gia thi công các công trình tàu thủy trên địa bàn Hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Các tàu thuyền do Công ty thi công đều đạt chất lượng tốt, đáp ứng được mọi yêu cầu kỹ mỹ thuật, được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Với bộ máy lãnh đạo tổ chức điều hành gọn nhẹ, năng động, phù hợp với cơ chế thị trường. Đội ngũ cán bộ kỹ sư giàu kinh nghiệm, công nhân kỹ thuật lành nghề, thiết bị công nghệ thi công đồng bộ, Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung khẳng định: hoàn toàn có thể đáp ứng được

mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng và tiến độ các công trình lớn nhỏ với giá thành hợp lý nhất.

Công ty TNHH Thiết kế và dịch vụ tàu thủy Việt Trung mong muốn là địa chỉ tin cậy của khách hàng. Đến với Công ty khách hàng sẽ gặp được người bạn và đối tác chân thành, có được những công trình đạt chất lượng tốt, bền vững, với giá cả hợp lý và giá trị thẩm mỹ cao.

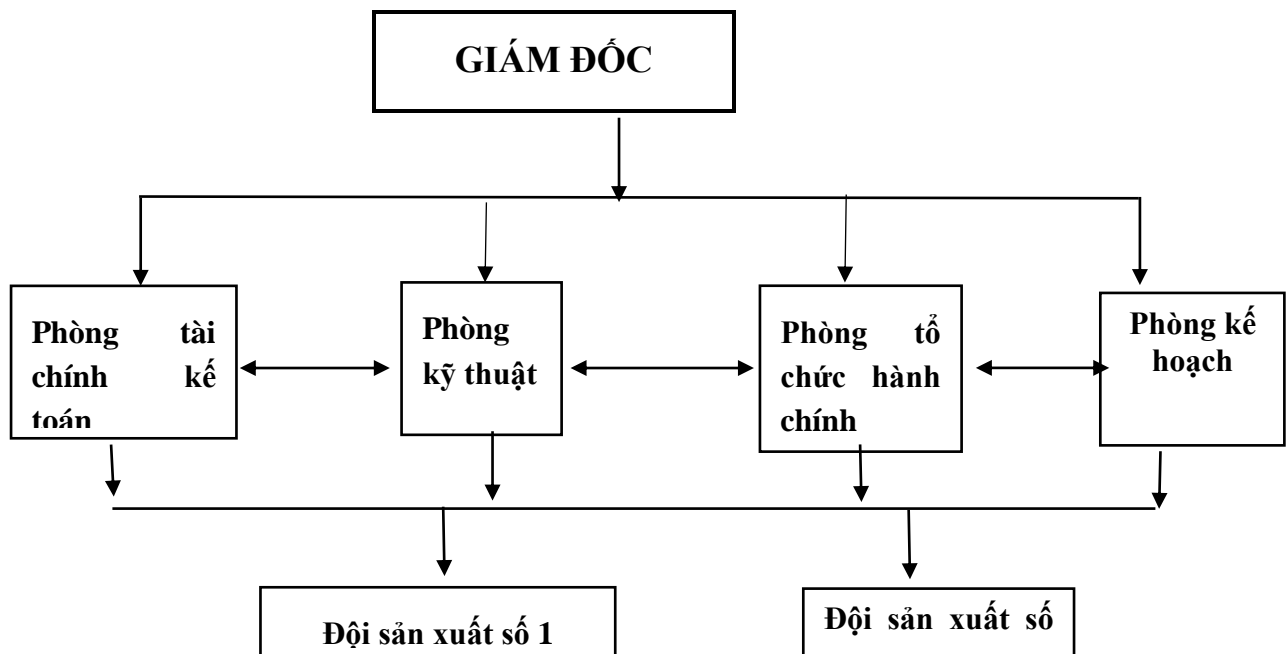
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

Lĩnh vực kinh doanh

- Đóng mới tàu thủy
- Sửa chữa tàu thủy
- Giám định hàng hải
- Thiết bị tàu thủy
- Giám sát đóng tàu
- Tư vấn thiết kế tàu thủy

Ngành nghề chính: Đóng tàu thuyền, Tư vấn thiết kế tàu thủy

2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Việt Trung



Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung (Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn từ năm 2008, cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty khá gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả.

a. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận:

• *Giám đốc :*

- Điều hành phụ trách tổng thể mọi vấn đề về kinh tế, tài chính và kế hoạch kỹ thuật.

- Điều hành công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty,...

• *Phòng tài chính - kế toán :*

Chức năng:

- Tham mưu cho giám đốc về kế hoạch thu, chi hàng tháng, quý, năm và các biện pháp bảo đảm kế hoạch thu chi tài chính của công ty.

- Tham mưu cho giám đốc về kế hoạch tạo nguồn cũng như sử dụng nguồn vốn của công ty.

- Mở, quản lý và sử dụng các tài khoản tại các ngân hàng thương mại.

- Tổ chức thực hiện công tác ghi chép, phản ánh kịp thời chính xác, đầy đủ số liệu thông tin nghiệp vụ kế toán, tình hình thanh toán, tình hình sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, tình hình thực hiện chi phí, thu nhập và kết quả của công ty trên chứng từ, sổ chi tiết, sổ tổng hợp và các báo cáo theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

- Tổng hợp, lập, nộp các báo cáo theo quy định của pháp luật.

- Những công việc khác theo sự điều hành của giám đốc công ty.

Nhiệm vụ :

- Thu nhập phản ánh, xử lý và tổng hợp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng nguồn vốn của công ty.

- Đề xuất phương hướng, biện pháp cải tiến tài chính hàng năm

- Đề xuất thay đổi, thay đổi, bổ sung, hoàn thiện chế độ tiêu chuẩn, định mức thu, chi.

- Đề xuất dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở nhiệm vụ, kế hoạch đề ra.

- Lập và nộp đúng hạn các báo cáo tài chính cho các cơ quan quản lý tài chính, cơ quan quản lý cấp thẩm quyền theo đúng quy định phục vụ cho việc quản lý, điều hành công ty.

• *Phòng kỹ thuật :*

Chức năng :

- Tham mưu cho giám đốc quản lý các lĩnh vực sau:

- Công tác quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng.

- Công tác quản lý vật tư, thiết bị.

- Công tác quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường tại các dự án.

- Công tác soát xét, lập và trình duyệt thiết kế kỹ thuật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do giám đốc giao.

Nhiệm vụ :

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và tham mưu giúp giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư trong toàn công ty.

- Chủ trì công trình, định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thiết bị theo ca, tiến độ,... theo định kỳ hàng năm và đột xuất.

- Phối hợp với các phòng ban trong việc xây dựng đơn giá cho thuê phương tiện, thiết bị.

- Chủ trì trong việc lập kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ công tác vận hành và bảo trì trong việc lập kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ công tác vận hành.

- Chỉ đạo và giám sát công tác sửa chữa, duy trì bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ.

- Lập kế hoạch và quản lý, giám sát công tác kỹ thuật và chất lượng trong các dự án do công ty làm chủ đầu tư và thực hiện.

- Chủ nhiệm kỹ thuật thay Giám đốc chỉ đạo cụ thể của đội thi công và chỉ đạo bộ phận thí nghiệm để kiểm tra, kiểm soát chất lượng các hạng mục công trình và đưa ra các chỉ tiêu chất lượng cho các hạng mục công trình.

- *Phòng tổ chức hành chính :*

- Tiếp nhận yêu cầu của chủ đầu tư và tổ chức kế hoạch sản xuất , thi công .

- Chỉ đạo thi công trực tiếp tại dự án.

- Tiếp nhận và giải quyết nhu cầu của khách hàng.

- *Phòng kế hoạch :*

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành toàn bộ các dự án của Công ty.

- Phối hợp với Phòng kỹ thuật đề xuất các vấn đề liên quan đến việc đầu tư thi công các sản phẩm mới, cải tạo các sản phẩm đã hoàn thiện.

- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán Công ty lập tiến độ nhu cầu vốn các dự án, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc Công ty xét duyệt, thanh toán theo tiến độ các dự án.

- Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan đến các dự án của Công ty.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc khảo sát, thiết kế, thi công công trình thuộc dự án và thẩm định trước khi trình Ban Tổng Giám đốc Công ty duyệt theo quy định.

- Liên hệ các cơ quan chức năng lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư : Phương án thiết kế, thoả thuận phương án đóng tàu qui hoạch, thoả thuận PCCC, vệ sinh môi trường, trình duyệt thiết kế cơ sở, dự án đầu tư, xin giấy phép lưu thông....

- Lên kế hoạch cho dự án và soạn thảo hợp đồng.
- Các tổ thi công các hạng mục thực hiện kế hoạch thi công đúng tiến độ các hạng mục từ chủ nhiệm kỹ thuật điều hành thi công.
- Các bộ phận cũng có thể phản ánh trực tiếp những vấn đề quan trọng lên chủ nhiệm để công trình luôn thực hiện đúng hợp đồng đã ký giữa bên mời thầu và nhà thầu.

2.1.3. Khái quát về kết quả HĐKD của Công ty

Trong giai đoạn 2020-2022, Công ty Việt Trung bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể được trình bày trong bảng 2.1

Số liệu trong bảng 2.1 cho thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty ngày một tăng trưởng, doanh thu tăng với tốc độ khá ấn tượng, bình quân cả giai đoạn đạt 23%/năm, lợi nhuận tăng bình quân 95%/năm. Thế mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây là lĩnh vực kinh doanh tư vấn thiết kế tàu thủy đây được coi là hướng phát triển phù hợp nên Công ty cần tập trung và đầu tư vốn cho lĩnh vực này.

Bảng 2.1: Kết quả HĐKD của Công ty Việt Trung

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm			CL 2021/2020		CL 2022/2021	
	2020	2021	2022	GT	Tỷ lệ	GT	Tỷ lệ
Doanh thu	30.632	34.682	46.374	4.05	13%	11.692	34%
Lợi nhuận sau thuế	762	582	1.831	-180	-24%	1.249	214%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

2.2. Thực trạng sử dụng vốn lưu động tại Công ty Việt Trung

2.2.1 Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn, nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn thể hiện tỷ trọng của các nguồn vốn trong tổng giá trị nguồn vốn mà doanh nghiệp huy động, sử dụng vào hoạt động kinh doanh. Cơ cấu nguồn vốn được đo lường bởi 2 chỉ tiêu: (1) hệ số nợ và (2) hệ số vốn chủ.

Bảng 2.2: Cơ cấu vốn và nguồn vốn của Công ty Việt Trung*Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm			CI 2021/2020		CI 2022/2021	
		2020	2021	2022	Gt	Tỉ lệ	Gt	Tỉ lệ
1	Tổng nguồn vốn	46,757	44,527	52,127	-4,375	-7%	13,269	23%
2	Vốn chủ sở hữu	31,216	31,471	33,402	-0,255	-1%	1,931	6%
3	Hệ số vốn chủ	0,73	0,75	0,61	0	3%	0	-19%
4	Hệ số nợ	0,27	0,25	0,39	0	-7%	0	56%
5	Tài sản dài hạn	8.001	7.679	8.470	-322	-4%	791	10%
6	Tài sản ngắn hạn	38.756	36.848	43.657	-1.908	-5%	6.809	18%
7	Tổng tài sản	46,757	44,527	52,127	-2,23	-4%	7,6	-17%
8	Hệ số cơ cấu Tài sản ngắn hạn	1,129	1,106	1,383	-0,023	-2%	0.277	25%
9	Hệ số cơ cấu tài sản dài hạn	0,233	0,229	0,268	-0,004	-2%	0,039	17%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Cơ cấu vốn thường được đo lường bởi 2 chỉ tiêu: (1) Hệ số cơ cấu tài sản ngắn hạn và (2) Hệ số cơ cấu tài sản ngắn hạn. Trong giai đoạn 2020-2022, cơ cấu vốn và nguồn vốn của Việt Trung được thể hiện trong bảng 2.2.

Trong giai đoạn 2020-2022, Hệ số nợ cao trong cả giai đoạn chứng tỏ khả năng tự chủ về mặt tài chính của công ty khá thấp, trong thời gian tới, Công ty cần có giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp. Bên cạnh hệ số nợ cao, hệ số cơ cấu tài sản ngắn hạn cũng chiếm một tỷ lệ khá cao.

Hệ số cơ cấu tài sản ngắn hạn cao ảnh hưởng tới năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặc dù ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là thiết kế và dịch vụ tàu thủy, song tỷ lệ tài sản dài hạn của Công ty thấp nên ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình sản xuất của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty cần có các giải pháp tích cực để tăng nguồn vốn dài hạn ít nhất đủ để tài trợ cho tài sản dài hạn của Công ty nhằm giảm rủi ro về mặt tài chính, tăng khả năng tự chủ về tài chính cho Công ty.

2.2.2 Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn (VLD)

2.2.2.1. Vòng quay và kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn (VLD)

Nhìn chung, hiệu quả sử dụng VLD của Việt Trung khá cao và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2020-2022. Năm 2020 đạt 0,79 vòng, nhưng năm 2021 chỉ tiêu này đã đạt 0,94 vòng, sang năm 2022 chỉ tiêu này tăng 1,06 vòng việc tăng hiệu suất sử dụng VLD đã làm tăng hiệu quả sử dụng vốn của Việt Trung.

Bảng 2.3: Hiệu quả sử dụng vốn lưu động

STT	Chỉ tiêu	Năm			Chênh lệch 2021/2020		Chênh lệch 2022/2021	
		2020	2021	2022	GT	Tỉ lệ	GT	Tỉ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp bán hàng	30.632	34.682	46.374	4.05	13%	11.692	34%
2	Tài sản ngắn hạn	38.756	36.948	43.657	-1,808	-5%	6.709	18%
3	Số ngày trong kì	360	360	360	0	0	0	0
4	Hiệu suất sử dụng vốn ngắn hạn	0,79	0,94	1,06	0,148	19%	0,124	13%
5	Kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn	455	382	339	-73	-16%	-43	-11%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Số ngày một vòng quay VLD của Việt Trung mặc dù không ổn định nhưng có xu hướng giảm cùng với sự gia tăng của số vòng quay VLD. Năm 2020 một vòng quay vốn lưu động cần 455 ngày thì đến năm 2022 giảm xuống còn 339 ngày. Sự suy giảm của số ngày luân chuyển VLD cho thấy khả năng chuyển hoá VLD của Việt Trung trong những năm qua mặc dù khá thấp nhưng đã được cải thiện.

Như vậy, xét cả giai đoạn 2020-2022, hiệu quả sử dụng VLD có xu hướng tăng khá nhanh. Do đó hiệu quả sử dụng VLD sẽ có tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng tổng vốn cho Việt Trung.

2.2.2.2. Mức tiết kiệm VLD do tăng tốc độ luân chuyển vốn

Bảng 2.4: Mức tiết kiệm vốn lưu động

Stt		Năm			Chênh lệch		Chênh lệch	
		2020	2021	2022	2021/2020		2022/2021	
					Gt	Tỷ lệ	Gt	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.632	34.682	46.374	4.050	13%	11.692	34%
2	Tài sản ngắn hạn	38.756	36.948	43.657	-1.808	-5%	6.709	18%
3	Kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn	455	382	339	-73	-16%	-43	-11%
4	Mức tiết kiệm vốn lưu động		-69	-47			22	-30%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Số liệu trong bảng 2.5 cho thấy, do tốc độ luân chuyển vốn lưu động của Công ty có xu hướng tăng nên Công ty tiết kiệm được lượng vốn lưu động phụ vụ quá trình sản xuất, cụ thể: năm 2020 kỳ luân chuyển vốn của Công ty giảm từ 455 ngày xuống còn 382 ngày nên Công ty đã tiết kiệm được 69 triệu đồng, năm 2021 Công ty tiết kiệm được 47 triệu đồng.

2.2.2.3. Hàm lượng vốn lưu động và tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động

Số liệu trong bảng 2.6 cho thấy, hàm lượng vốn lưu động của Công ty có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2020-2022, cụ thể: năm 2020, để tạo ra một đồng doanh thu thuần thì Công ty phải bỏ ra 1,27 đồng vốn lưu động và giảm xuống còn 1,07 đồng trong năm 2021; 0,94 đồng trong năm 2022. Nguyên nhân

chính của tình trạng này là do trong giai đoạn 2020-2022, cả doanh thu và vốn lưu động của Việt Trung đều tăng nhưng tốc độ tăng doanh thu của Công ty lớn hơn tốc độ tăng của vốn lưu động làm cho hàm lượng vốn lưu động giảm.

Bên cạnh sự suy giảm của hàm lượng vốn lưu động thì tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động có xu hướng tăng trong giai đoạn 2020-2022 và giảm xuống trong năm 2021. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do trong giai đoạn 2020-2022, cả lợi nhuận và vốn lưu động của Việt Trung đều tăng nhưng tốc độ tăng lợi nhuận của Công ty lớn hơn tốc độ tăng của vốn lưu động làm cho tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động tăng và xu hướng này lại đảo chiều trong năm 2022. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, trong thời gian tới Công ty cần có các biện pháp tích cực hơn trong công tác quản lý vốn đồng thời cần có các biện pháp tăng doanh thu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Để đánh giá chi tiết về hiệu quả sử dụng VLD có thể xem xét hiệu quả sử dụng của 3 loại vốn chủ yếu cấu thành nên VLD đó là: vốn bằng tiền, hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn.

Bảng 2.5: Hàm lượng vốn lưu động và tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động

Stt	Chỉ tiêu	Năm			CI 2021/2020		CI 2022/2020	
		2020	2021	2022	Gt	Tỷ số	Gt	Tỷ số
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.632	34.682	46.374	4.050	13%	11.692	38%
2	Lợi nhuận sau thuế	762	582	1.831	-180	-24%	1.249	164%
3	Tài sản ngắn hạn	38.756	36.948	43.657	-1.808	-5%	6.709	17%
4	Hàm lượng vốn lưu động	1,27	1,07	0,94	-0,2	-16%	-0,13	-10%
5	Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động	19,67	15,75	0,04	-3,92	-20%	-15,71	-80%

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

2.2.2.4. Chỉ tiêu phản ánh tốc độ quay vòng tiền

Trong giai đoạn 2020-2022, doanh thu và tiền mặt của Việt Trung đều tăng nhưng doanh thu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của tiền mặt đã làm tăng vòng quay tiền. Trong năm 2020, mặc dù doanh thu giảm nhưng lượng tiền mặt của Công ty cũng giảm mạnh nên vòng quay của tiền tiếp tục tăng.

Bảng 2.6: Tốc độ quay vòng của tiền

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	Trđ	30.632	34.682	46.374	37.229
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	Trđ	6.502	4.839	15.998	9.113
3	Vòng quay của tiền (3)=(1)/(2)	Vòng	4,71	7,167	2,899	4,925

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Số liệu trong bảng 2.7 cho thấy số vòng quay tiền của Việt Trung có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn từ năm 2021 đến 2022. Cụ thể, năm 2020 tiền của Việt Trung quay được 4,71 vòng thì năm 2021 tăng lên thành 7,167 vòng nhưng đến năm 2022 chỉ còn 2,899 vòng. Như vậy, tốc độ luân chuyển vốn bằng tiền của Việt Trung ngày càng nhanh đã tác động tích cực đến tốc độ quay vòng của vốn lưu động nói riêng và toàn bộ vốn của doanh nghiệp nói chung. Mặt khác tăng cung tiền sẽ làm giá tăng nhưng làm cho lượng hàng hóa và dịch vụ không tăng.

Trong điều kiện đại dịch covid-19 bùng phát trong năm 2020, cộng hưởng làm cho việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của Công ty bị giảm mạnh. Mặt khác tiền sẽ không chạy vào hàng hóa hay dịch vụ mà bị “chôn” ở hàng tồn kho. Nhìn tổng quan, vòng quay giảm và thấp sẽ làm cho tăng trưởng kinh tế bị chậm. Cung tiền gây sức ép cho hàng hóa và dịch vụ...

2.2.2.5. Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển khoản phải thu

Trong giai đoạn 2020-2022, khi bán hàng Công ty luôn được thanh toán tiền ngay do đó Công ty không có khoản phải thu. Đây được coi là yếu tố tích

cực trong công tác quản lý khoản phải thu, góp phần tăng hiệu quả công tác sử dụng vốn tại Công ty.

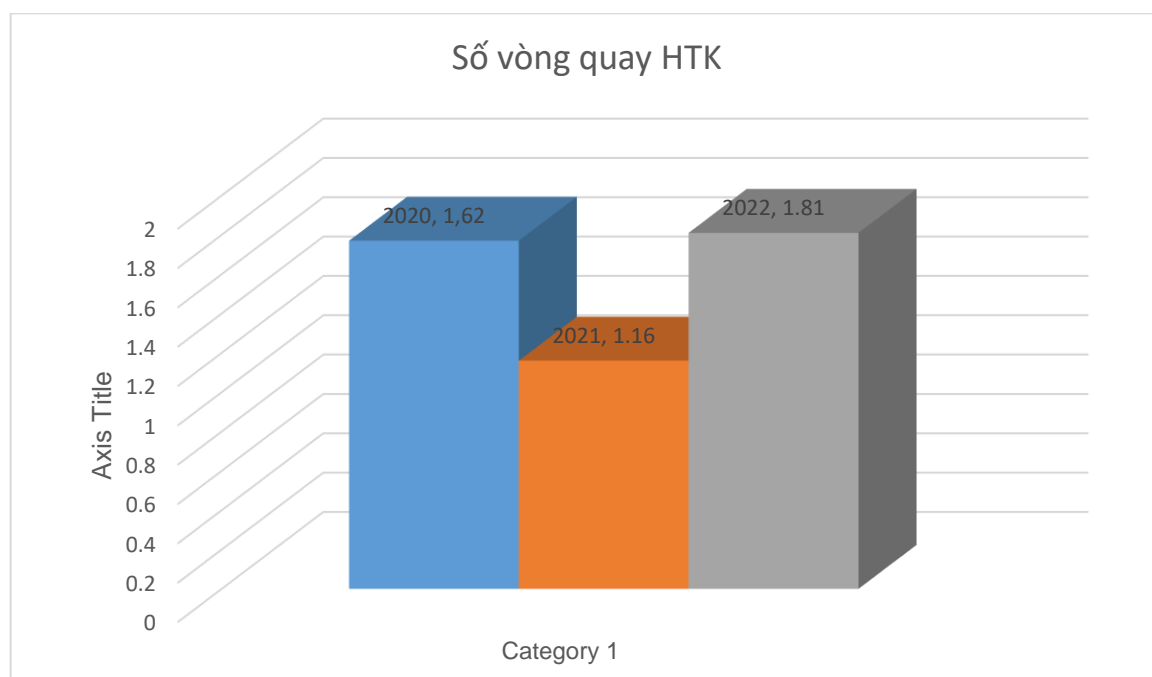
2.2.2.6. Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho (HTK)

Bảng 2.7: Vòng quay hàng tồn kho

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Giá vốn hàng bán	Trđ	35.421	30.872	40.312	35.535
2	Hàng tồn kho BQ	Trđ	21.873	26.694	22.250	22.981
3	Số ngày trong kỳ	Ngày	360	360	360	360
4	Số vòng quay HTK (4)=(1)/(2)	Vòng/năm	1,62	1,16	1,81	1,58
5	Số ngày một vòng quay (5)=(3)/(4)	Ngày/vòng	222	310	199	228

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Số vòng quay hàng tồn kho khá thấp nhưng có xu hướng tăng nhanh trong giai đoạn 2020-2022, sau đó giảm mạnh trong năm 2022.



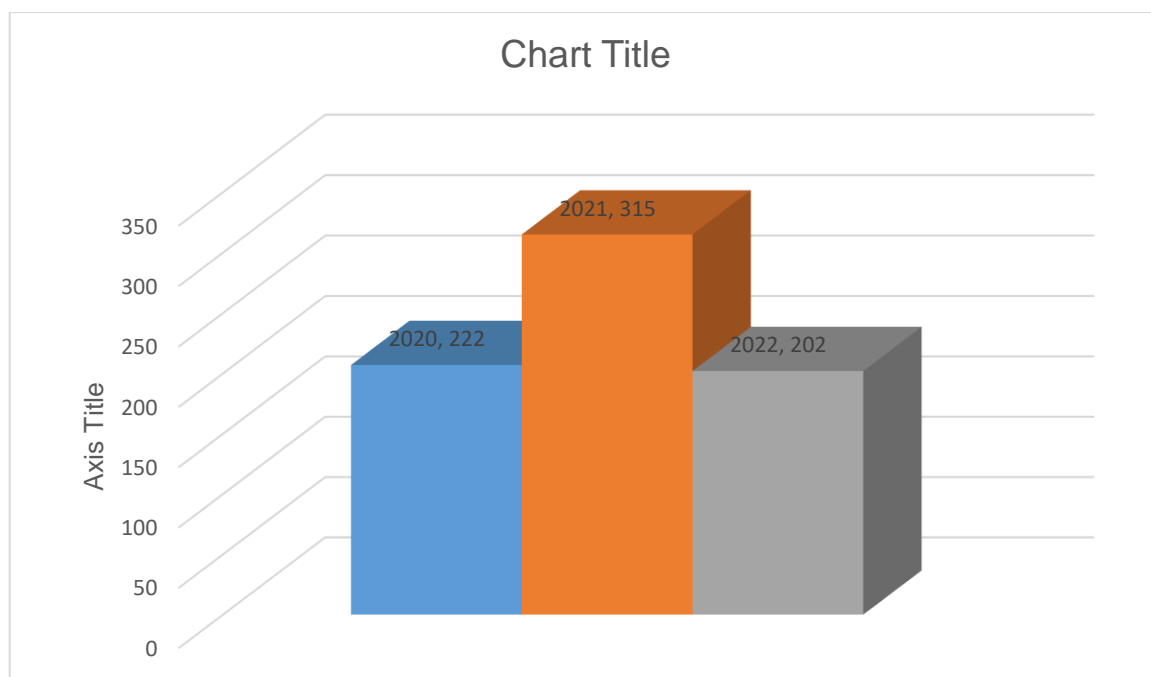
Biểu đồ 2. 1: Vòng quay hàng tồn kho

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Năm 2020 có số vòng quay hàng tồn kho là 1,62 vòng, giảm còn 1,16 vòng vào năm 2021 và 4,62 vòng. Số vòng quay hàng tồn kho tăng lên đạt 1,81 vòng trong năm 2022. Nguyên nhân chính bởi hàng tồn kho có xu hướng tăng trong khi giá vốn có xu hướng tăng nhưng tốc độ tăng nhanh hơn hàng tồn kho.

Tuy nhiên trong năm 2021, mặc dù giá vốn giảm nhưng hàng tồn kho vẫn tăng làm cho số vòng quay hàng tồn kho có xu hướng giảm.

Hàng tồn kho của Việt Trung chủ yếu là linh phụ kiện tàu thủy. Do lượng hàng tồn kho khá lớn đã làm ứ đọng lượng vốn đáng kể của Công ty làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Trong thời gian tới Công ty cần có biện pháp tích cực hơn trong công tác quản lý và giải phóng hàng tồn kho, tăng tốc độ quay vòng của HTK, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.



Biểu đồ 2.2: Số ngày một vòng quay hàng tồn kho
 Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

2.2.3 Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của vốn lưu động

2.2.3.1. Sức sinh lời của vốn lưu động

Bảng 2.8: Sức sinh lời của vốn lưu động

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Vốn lưu động bình quân	Trđ	10.692	10.977	11.419	11.029
2	Lợi nhuận thuần	Trđ	504	582	1.831	927,3
3	Sức sinh lời VLD (3)=(2)/(1)	%	0,04	0,05	1,6	0,56

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Bảng 2.8 cho thấy sức sinh lời trên doanh thu thuần của Việt Trung khá thấp và không ổn định. Năm 2020 tỷ lệ này đạt 0,04 % và tăng trong năm 2021

là 0,02 % vào năm 2022 chỉ số này được cải thiện rõ rệt đạt ngưỡng 1,6 % vào năm 2022. Điều này cho thấy chi phí của Việt Trung đã được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả làm cho HQSDVLD của Việt Trung có xu hướng được cải thiện trong những năm gần đây. Để nâng cao hiệu quả sử dụng TS, DN cần có biện pháp thích hợp để tăng số vàng quay của TS như: đầu tư TS hợp lý, tăng hiệu suất sử dụng TS, tăng quy mô về doanh thu thuần, sử dụng tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm ...

2.2.3.2. Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động

Bảng 2.9: Hệ số sức sản xuất của vốn lưu động

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Tổng doanh thu thuần	Trđ	30.632	34.682	46.374	37.229
2	Tổng vốn lưu động BQ	Trđ	10.692	10.977	11.419	11.029
3	Hệ số sức sản xuất VLĐ (3)=(1)/(2)	%	0,02	0,03	0,04	0,03

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Việt Trung

Trong năm 2020 hệ số sức sản xuất vốn lưu động có 0,02 % đến năm 2022 hệ số đã tăng lên 0,04 % cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Việt Trung càng lớn.

2.2.4 Hệ số khả năng thanh toán của doanh nghiệp

2.2.4.1. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát

Bảng 2.10: Khả năng thanh toán tổng quát

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Tổng tài sản	Trđ	46.757	44,527	52.127	47.803
2	Nợ phải trả	Trđ	15.541	13.056	18.725	15.774
3	KN TT tổng quát (3)=(1)/(2)	Lần	3	3,41	2,78	3,06

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Khả năng thanh toán tổng quát phản ánh mức độ mà DN đảm bảo chi trả các khoản nợ của mình. Khả năng thanh toán tổng quát của công ty khá thấp và

không ổn định nhưng có xu hướng tăng qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu do thời gian lưu kho giảm, vốn ít bị ứ đọng lại nơi hàng tồn kho.

Năm 2020 cứ một đồng nợ được đảm bảo bởi 3 đồng tài sản. Năm 2022 chỉ số này giảm xuống đạt 2,78 đồng. Hệ số thanh toán tổng quát lớn hơn 1, cho thấy khả năng đảm bảo chi trả các khoản nợ bởi toàn bộ tài sản của Công ty là khá thấp, Công ty cần có giải pháp phù hợp để tăng khả năng thanh toán, giảm rủi ro cho doanh nghiệp.

2.2.4.2. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn

Khả năng thanh toán ngắn hạn phản ánh mức độ mà DN đảm bảo chi trả các khoản nợ ngắn hạn của mình.

Bảng 2.11: Khả năng thanh toán ngắn hạn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Tài sản ngắn hạn	Trđ	38.756	36.948	43.657	39.787
2	Nợ ngắn hạn	Trđ	15.201	13.056	18.725	15.660
3	KN TT ngắn hạn (3)=(1)/(2)	Lần	2,55	2,83	2,33	2,54

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty khá thấp và không ổn định nhưng có xu hướng giảm qua các năm. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do các khoản thu (tức nợ không đòi được hoặc không dùng để bù trừ được) vẫn còn lớn, hàng tồn kho lớn (nguyên vật liệu dự trữ quá lớn không dùng hết và hàng hóa, thành phẩm tồn kho không bán được không đổi lưu được).

Năm 2020 cứ một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 2,55 đồng tài sản ngắn hạn. Năm 2022 chỉ số này giảm xuống đạt 2,33 đồng. Hệ số thanh toán lớn hơn 1, cho thấy khả năng đảm bảo chi trả các khoản nợ ngắn hạn của Công ty là thấp và có thể dẫn đến tình hình tài chính xấu.

2.2.4.3. Hệ số khả năng thanh toán nhanh

Khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng Công ty dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Trong giai đoạn 2020-2022 khả năng thanh toán nhanh của Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung khá thấp và có xu hướng giảm.

Bảng 2.12: Khả năng thanh toán nhanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình
1	Tài sản ngắn hạn	Trđ	38.756	36.948	43.657	39.787
2	Nợ ngắn đến hạn và quá hạn	Trđ	15.201	13.056	18.725	15.660
3	Hàng tồn kho	Trđ	21.873	26.694	22.250	23.605
4	KN TT nhanh (4)={ (1)-(3) }:(2)	Lần	1,11	0,79	1,14	1,03

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ BCTC của Việt Trung

Theo số liệu trong bảng 2.19 cho thấy, năm 2020 cứ một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 1,11 đồng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn đến năm 2022 chỉ số này tăng lên đạt 1,14 đồng. Chỉ số này khá thấp chứng tỏ khả năng thanh toán nhanh của Công ty gặp khá nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do lượng hàng tồn kho của Công ty còn khá lớn. Trong thời gian tới Công ty cần chú trọng hơn nữa trong công tác quản lý hàng tồn kho góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty.

2.3. Đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty Việt Trung giai đoạn 2020 - 2022

2.3.1 Điểm mạnh

Qua những phân tích đánh giá về hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Việt Trung chúng ta thấy một số kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu có xu hướng tăng và kinh doanh có lãi. Như chúng ta thấy trong giai đoạn 2020-2022, thị trường kinh doanh thiết kế và đóng tàu khá trầm lắng. Mặc dù vậy, Việt Trung vẫn cố gắng khắc phục khó khăn duy trì doanh thu hàng năm luôn tăng.

- Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn tăng kéo theo kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn giảm góp phần làm tăng HQSDVLD của Công ty.

- Hàm lượng vốn lưu động giảm.

- Tốc độ quay vòng của hàng tồn kho ngày càng được cải thiện làm tăng HQSDVLD của Công ty.

2.3.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì Việt Trung cũng gặp những hạn chế trong công tác quản lý và sử dụng vốn cần khắc phục. Trong đó có các hạn chế nổi bật như sau:

- Cơ cấu vốn của công ty không ổn định, tỷ trọng vốn ngắn hạn trong tổng vốn cao, vốn cố định khá thấp ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của Công ty.
- Hệ số nợ cao, mặc dù tỷ lệ tài sản dài hạn thấp nhưng công ty vẫn phải sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản dài hạn gây rủi ro về tài chính cho Công ty.
- Khả năng thanh toán (thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh) của công ty thấp.
- Vòng quay hàng tồn kho đã được cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp dẫn đến tình trạng bị ứ đọng vốn, giảm HQSDVLD của Công ty.
- Khả năng sinh lời của tổng tài sản, sinh lời theo vốn chủ thấp.

Từ những nghiên cứu và đánh giá về HQSDVLD của Việt Trung có thể thấy trong thời gian qua mặc dù đã rất cố gắng trong hoạt động quản lý và sử dụng vốn nhưng kết quả vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Để có thể xây dựng các biện pháp đúng hướng, phù hợp và có tính thực tiễn cao thì việc tìm ra các nguyên nhân của hạn chế trên là một việc làm rất có ý nghĩa.

2.3.3 Đánh giá các chính sách sử dụng vốn lưu động của Công ty

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn chưa thực sự hợp lý.

Trong giai đoạn 2020-2022, hệ số nợ của Việt Trung khá cao, ảnh hưởng đến khả năng tự chủ tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, tỷ lệ tài sản dài hạn trong tổng tài sản thấp đã ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực sản xuất của Công ty. Ngoài ra, mặc dù tỷ lệ tài sản thấp nhưng Việt Trung vẫn phải sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản dài hạn, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc cân bằng tài chính.

Công tác quản lý vốn lưu động còn hạn chế.

Những năm qua, Việt Trung bị đọng quá nhiều vốn vào HTK, thời gian đóng tàu, vận chuyển và sửa chữa còn kéo dài. Các mô hình tiên tiến về quản lý tiền, quản lý HTK chưa được sử dụng rộng rãi. Việc đầu tư vào HTK phụ thuộc quá nhiều vào các nhân tố khách quan, thiếu sự chủ động. Một số quyết định về dự trữ HTK chưa mang tính chất khoa học và có chiến lược cụ thể. Chính những điều này đã làm sụt giảm sâu sắc hiệu quả sử dụng VLD của DN.

Công tác quản lý nhân sự còn nhiều bất cập

Điều này đúng với cả lao động trình độ cao và lao động phổ thông tại Việt Trung. Nếu như tìm được lao động có chất lượng cao ngày một khó khăn do nguồn lao động này vốn đã ít lại chủ yếu làm việc tại các công ty nước ngoài thì nguồn lao động phổ thông có tay nghề và kỷ luật rất kém.

Bên cạnh đó, việc đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động khá khó khăn do đặc thù Công ty làm theo ca ở các khu vực khác nhau.

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2022

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Việt Trung đến năm 2025

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới như sau:

- Nỗ lực trở thành một công ty vững mạnh, tập trung vào các ngành kinh doanh chính: gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật đóng và sửa chữa tàu; có khả năng, năng lực cạnh tranh mạnh. Phấn đấu trở thành một trong những Công ty lớn trong ngành về thị phần và lợi nhuận.

- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Mục tiêu là đạt lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính, tập trung vào lợi nhuận để phát triển bền vững.

Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại.

- Phấn đấu hoạt động có hiệu quả, giữ mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, đồng thời tăng cường chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng mới, tăng thêm thu nhập cho công ty.

- Đảm bảo việc làm việc làm và chính sách cho người lao động, phấn đấu tăng mức thu nhập bình quân tăng 10% - 15%.

- Tăng cường công tác quản lý nội bộ bằng các qui chế và qui định cụ thể hơn. Đồng thời đào tạo cán bộ quản lý cũng như người lao động thông qua các chương trình đào tạo thường niên.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý, bố trí lao động hợp lý, tăng cường khâu quản lý và sử dụng phương tiện, trang thiết bị có hiệu quả hơn, rà soát lại một số chỉ tiêu định mức. Phát huy trí tuệ tập thể, nâng cao trách nhiệm cá nhân, đẩy mạnh công tác học tập, nghiên cứu.

- Tăng cường vốn kinh doanh để hiện đại hóa, mua sắm các thiết bị mới nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của các khách hàng.

- Mở rộng hoạt động đầu tư trong ngắn hạn cụ thể là đa dạng hóa các mặt kinh doanh, tích cực đẩy mạnh công tác bán buôn cho các công ty. Đồng thời

tích cực tìm kiếm các nguồn cung cấp mới với giá cả hợp lý hơn để hạ giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh của công ty trên thị trường nội địa.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng. Nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty từ đó từng bước chiếm lĩnh thị trường, đồng thời công ty cần đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng thị trường.

3.2 Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Trung

3.2.1. Xây dựng phương thức quản trị vốn kinh doanh

Trong giai đoạn 2020-2022, mặc dù doanh thu và lợi nhuận của Việt Trung luôn tăng nhưng khả năng sinh lời của tài sản vẫn thấp hơn lãi suất đi vay, khả năng sinh lời của vốn chủ hấp hơn lãi suất huy động của ngân hàng. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do công tác quản trị vốn chưa được quan tâm thỏa đáng. Để góp phần nâng cao HQSDVLD, trong thời gian tới Công ty cần tăng cường công tác quản trị vốn, hạ giá thành sản phẩm, gia tăng lợi nhuận góp phần nâng cao KQSDVLD của Công ty.

Quản trị trong khâu huy động, quản lý vốn, sử dụng tài sản tại Công ty.

Qua phân tích thực trạng của Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cho thấy, nguồn vốn huy động của Công ty chủ yếu dựa vào nợ phải trả. Nhờ nguồn vốn này mà Công ty đã tạo ra lợi nhuận và thặng dư vốn, mở rộng ngành nghề, mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, thực tế này cũng làm cho tình hình tài chính gặp nhiều rủi ro, mức độ tự chủ về tài chính thấp. Vấn đề đặt ra ở đây là để biết được hiệu quả của việc sử dụng các hình thức huy động vốn của DN là tốt hay không tốt thì căn cứ vào chỉ tiêu nào? và dựa vào căn cứ nào để biết được là tốt hay chưa tốt?

Trong thời gian tới, Công ty cần xây dựng kế hoạch tài chính để xác định chi phí sử dụng vốn, với nhiều hình thức huy động vốn khác nhau, nên phải xác định chi phí vốn của từng nguồn. Giao cho cán bộ chuyên trách để theo dõi việc sử dụng vốn, chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình hoạt động, quản lý, sử dụng vốn, tài sản; phân tích đánh giá hiệu quả sử

dụng vốn của DN và việc chấp hành quy định pháp luật trong quản lý DN theo nguyên tắc cơ chế thị trường.

**Cơ cấu lại vốn, tài sản, công nợ:*

- Đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu vốn để có cơ chế xử lý bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh, hạn chế thất thoát vốn do kéo dài thời gian dự án; Bổ sung vốn chủ sở hữu để tăng khả năng tự chủ tài chính đồng thời tạo nguồn vốn để đầu tư vào tài sản dài hạn, tăng năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường...

** Quản trị công tác tuyên truyền, quán triệt quan điểm thực hành tiết kiệm*

Công ty cần rà soát các quyết định đầu tư, góp vốn mở rộng sản xuất kinh doanh phải phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải gây lãng phí, thất thoát vốn. Kiểm soát chặt chẽ chi đầu tư xây dựng cơ bản, triệt để tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm; quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn và tài sản tại DN.

Công khai các định mức tiêu chuẩn, chế độ tài chính đã ban hành, các định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu; định mức khai thác và sử dụng máy móc, thiết bị; đơn giá tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Nâng cao trình độ cán bộ kế toán về quản trị chi phí, quản trị giá thành; quản trị chất lượng sản phẩm; quản trị hàng tồn kho, chi phí sản xuất kinh doanh; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; những khoản nợ tồn đọng, nợ xấu cần xử lý tài chính. Nâng cao vai trò dự báo, phân tích thị trường, chính sách đầu tư của Nhà nước, dự báo về nguồn cung cấp nguyên vật liệu, những tác động của nền kinh tế làm cho giá cả nguyên, nhiên vật liệu, chế độ đối với người lao động. Dự báo về nguồn lực con người, kế hoạch tài chính trong ngắn hạn, dài hạn, những rủi ro tiềm tàng trong đầu tư. Phân tích, so sánh các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính...

3.2.2. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động phụ thuộc vào việc sử dụng hiệu quả chi phí và tăng nhanh tốc độ luân chuyển của vốn lưu động. Để nâng cao hiệu quả

sử dụng VLD thì DN cần phải nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng các loại vốn cấu thành VLD như: hàng tồn kho và vốn bằng tiền.

Tăng cường công tác dự báo và quản lý vốn bằng tiền

Công tác dự báo và xác định nhu cầu vốn bằng tiền trong những năm vừa qua của Việt Trung chưa thực sự được quan tâm đúng mức khi có những DN lúc thì duy trì một khối lượng tiền rất lớn nhưng để nhàn rỗi gây lãng phí, làm giảm khả năng sinh lời của vốn.

Việc dự trữ một bộ phận vốn tiền mặt có ý nghĩa quan trọng đối với Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung: (1)Đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường và liên tục; (2)Phòng ngừa mọi bất trắc xảy ra trong quá trình kinh doanh, duy trì khả năng thanh toán, thể hiện sự ổn định, lành mạnh về mặt tài chính của doanh nghiệp; (3)Tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện được các cơ hội tốt trong kinh doanh. Nhiệm vụ của công tác dự báo nhu cầu vốn bằng tiền là đảm bảo cho Công ty có đủ lượng tiền mặt cần thiết đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán, trên cơ sở phải giảm thiểu rủi ro về lãi suất, tỷ giá hối đoái và những thiệt hại đối với việc lưu giữ tiền mặt.

Nội dung công tác dự báo nhu cầu vốn tiền mặt

Bước 1: Xác định mức dự trữ tiền mặt hợp lý

$$\text{Mức tiền mặt tối ưu} = \frac{\text{Mức chi tiêu vốn tiền mặt bình quân 1 ngày trong kỳ} \times \text{Số ngày dự trữ tiền mặt tối ưu}}{\text{tồn quỹ hợp lý}}$$

Bước 2: Dự đoán và lập kế hoạch lưu chuyển vốn bằng tiền

Bước 3: So sánh các luồng nhập và xuất quỹ tiền mặt để cân đối tiền mặt.

Để thực hiện tốt công tác dự báo và quản lý vốn bằng tiền, trong thời gian tới Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- + Mọi khoản thu chi vốn tiền mặt đều phải thực hiện qua quỹ;
- + Phân định trách nhiệm rõ ràng trong quản lý vốn tiền mặt;
- + Xây dựng quy chế thu, chi quỹ tiền mặt;

+ Quản lý chặt chẽ các khoản tạm ứng tiền mặt, cần quy định đối tượng, thời gian và mức tạm ứng... để quản lý chặt chẽ, tránh việc lợi dụng quỹ tiền mặt của doanh nghiệp vào mục đích cá nhân

Như vậy, tăng cường công tác quản trị vốn bằng tiền là một nhiệm vụ quan trọng của Việt Trung hiện nay. Quản trị tốt vốn bằng tiền một mặt sẽ duy trì và đảm bảo khả năng thanh toán cũng như giảm thiểu rủi ro tài chính; mặt khác sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền nói riêng cũng như hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói chung.

Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, giải phóng hàng tồn kho

Trong lĩnh vực kinh doanh đóng tàu và sửa chữa thì HTK có một vị trí vai trò rất quan trọng trong cơ cấu tài sản. Chính vì thế, quản trị tốt HTK và phân loại là một trong những biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty.

Cụ thể như : Một loại NVL như thép bao gồm các loại thép thỏi, thép tấm, thép ống đúc, thép tròn....

Thép tròn tròn có rất nhiều kích thước khác nhau như Thép tròn tròn CT45-D50X6m, Thép tròn tròn CT45-D55X6m...

Thép tấm có rất nhiều loại tấm có bề dày khác nhau phục vụ các yêu cầu khác nhau như tấm 2,5m x 4,25m x 2,5mm; tấm 2m x 4m x 1,5mm....

Thép ống đúc rất nhiều loại kích cỡ khác nhau như Thép ống đúc F133 x 6 x 990, Thép ống đúc F219 x 7 x 4451, Thép ống đúc 219 x 7 x 2100, Thép ống đúc 63 x 3,5 x 1450....

Ngoài ra nhiều loại NVL, CCDC khác nữa có tên, chủng loại, quy cách, kích cỡ khác nhau dẫn đến công tác quản lý NVL, CCDC về mặt số lượng cũng như giá trị là rất phức tạp.

Thời gian tới, Công ty cần thực hiện việc phân loại HTK. Công ty cũng cần đẩy nhanh tiến gia công cơ khí và đóng tàu để hiện thực hoá doanh thu từ HTK. Để thực hiện tốt công tác tiêu thụ sản phẩm, giải phóng hàng tồn kho, Công ty nên:

- *Tăng cường tính liên kết giữa nguồn cung vật liệu, khu vực đóng tàu, gia công và khu vực tiêu thụ sản phẩm:* Việc tăng cường tính liên kết trong chuỗi giá trị là rất cần thiết nhằm phát huy tối đa sức mạnh nội lực. Đặc biệt cần tăng cường tính liên kết giữa nguồn cung vật liệu, khu vực phá dỡ, phân kim và khu vực tiêu thụ sản phẩm.

Ví dụ: Loại vật liệu chính như : Thép, inox, các loại động cơ...

Thép lại phân ra thành các nhóm: Thép tròn, Thép tấm, Thép ống đúc, Thép góc,...

Thép tròn lại có rất nhiều loại thời có kích thước khác nhau như Thép tròn trơn CT45-D50x6m, Thép tròn trơn CT45-D55x6m...

Thép tấm lại phân thành các thứ: Tấm 2,5m x 4,25m x 2,5m, Tấm 1,5m x 3,5m x 1,25m...

Thép ống đúc phân thành: Thép ống đúc F133 x 6 x 990, Thép ống đúc F219 x 7 x 4451, Thép ống đúc 219 x 7 x 2100, Thép ống đúc 63 x 3,5 x 1450...

NGUYÊN VẬT LIỆU

Danh điểm	Tên NVL	Quy cách	ĐVT	Đơn giá
	Thép		Kg	
A1	Thép tròn	CT45-D50x6m	Kg	
A11	Thép tròn	CT45-D55x6m	Kg	
	...			
A2	Thép ống đúc		Kg	
A21	Thép ống đúc	F13 x 6 x 990	Kg	
A22	Thép ống đúc	F219 x 7 x 4451	Kg	
A23	Thép ống đúc	219 x 7 x 2100	kg	
	...			
	Vòng bi			
A3	Vòng bi	Vòng bi 6208		
	...			

- *Xây dựng mối quan hệ phối hợp hiệu quả giữa nhà thầu chính - nhà thầu phụ:* Hiện nay Việt Trung đều hoạt động chính là tổng thầu, sau đó, ký hợp đồng thuê bên thứ ba sửa chữa và lắp đặt. Chính vì vậy, việc xây dựng mối quan hệ phối hợp hiệu quả giữa nhà thầu chính - nhà thầu phụ là rất cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín và thương hiệu của công ty.

- *Thiết lập kênh thông tin điều tra nhu cầu của khách hàng và thường xuyên nhận phản hồi từ khách hàng:* Mấu chốt của việc gia tăng hiệu quả kinh doanh là các công ty phải mang lại những giá trị cho khách hàng mà họ mong đợi. Chính vì vậy, việc đầu tư nguồn lực nhằm hiểu nhu cầu khách hàng và nhận phản hồi từ khách hàng, từ đó, xác định được những điểm mạnh và điểm yếu, từ đó, tiến hành những giải pháp cần thiết điều chỉnh nhằm cải thiện những mặt còn yếu là nhân tố rất quan trọng nhằm nâng cao uy tín của doanh nghiệp và sự trung thành của khách hàng với doanh nghiệp.

Đối với các dự án quy mô lớn, cần chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực để kiểm soát việc quy mô vốn đầu tư vào từng lĩnh vực. Điều này sẽ giúp Công ty có thể kiểm soát được tương đối chính xác mức độ phân bổ vốn đầu tư cho từng lĩnh vực.

Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng cần phù hợp với năng lực dòng tiền và không đẩy áp lực tăng cao hệ số nợ: Quy mô đầu tư vốn cần phù hợp với tiềm lực tài chính: Quá trình tăng trưởng cần duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức độ vừa phải, phù hợp với năng lực dòng tiền của doanh nghiệp và không đẩy hệ số nợ vượt lên mức quá cao gây mất an toàn tài chính và mất cân đối tài chính. Việc đầu tư của Công ty cần tập trung có trọng điểm theo phương án gói đầu, dự án đi vào vận hành trước tạo ra tiền tài trợ cho dự án sau, tránh đầu tư quá dàn trải làm phân tán nguồn lực và chậm tiến độ các dự án lớn. Đối với chiến lược đa dạng hóa, cần đầu tư đa dạng hóa có chọn lọc, theo hướng đầu tư vừa phải vào những lĩnh vực có triển vọng dài hạn tốt, trong khi đó, lượng vốn đầu tư vẫn phải dành chủ đạo cho ngành kinh doanh chính là kinh doanh đóng tàu và sửa chữa.

3.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực có chất lượng là một trong những nhân tố quyết định ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Đối với lĩnh vực đóng tàu thuyền và dịch vụ thì nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một biện pháp rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động từ đó nâng cao HQSDVLD.

Con người là nhân tố có vai trò quyết định đến hiệu quả quản lý sử dụng vốn. Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là thiết kế và đóng mới tàu thuyền do đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một biện pháp rất quan trọng để nâng cao năng suất lao động từ đó nâng cao HQSDVLD, cụ thể:

Trong thiết kế và đóng tàu thuyền, thời gian thiết kế, lắp ráp thường kéo dài, công đoạn này chủ yếu thực hiện mang tính chất thủ công nên tốn khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến thời gian lưu kho. Nếu không có biện pháp quản lý tốt nguồn lực lao động, làm kéo dài thời gian lưu kho gây ứ đọng vốn trong khâu tồn trữ sẽ làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Nếu công ty có biện pháp tích cực trong công tác quản lý lao động, nâng cao tay nghề cho người lao động, đặc biệt là ý thức trách nhiệm của người lao động, giảm tối đa các loại tai nạn lao động, giảm thời gian lưu kho, sẽ nâng cao năng suất lao động, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trong lĩnh đóng tàu, yêu cầu về tính an toàn về người và tài sản khá cao. Bên cạnh đó, việc sử dụng và bảo dưỡng phương tiện dịch vụ, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tuy nhiên, để đảm bảo tính an toàn người và tài sản trong quá trình vận chuyển hàng hóa cũng như việc giữ gìn bảo dưỡng phương tiện dịch vụ phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người lao động, do đó Công ty cần chú trọng hơn nữa Công trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Để việc quản lý sử dụng vốn, tài sản cố định nói riêng và vốn của doanh nghiệp nói chung có hiệu quả thì vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên đóng vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy Công ty cần thường xuyên đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên, năng lực

quản lý trong Công ty. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đóng tàu thuyền và dịch vụ tư vấn thì việc đào tạo người lao động phải rất bài bản và có thời gian. Có thể mới đảm bảo an toàn và hiệu quả trong quá trình kinh doanh. Hiện nay cán bộ công nhân viên có trình độ tương đối cao nhưng để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai thì phải được đào tạo nhiều hơn nữa. Bên cạnh đó Công ty cũng cần phải tuyển chọn, sàng lọc người lao động ngoài Công ty để thu hút được người có năng lực, trình độ.

Công ty cần có sự đổi mới trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sao cho phù hợp gọn nhẹ, có hiệu quả. Bộ máy quản lý phải có sự phân cấp rõ ràng từ trên xuống dưới, đúng người đúng việc, phân công rõ trách nhiệm quyền hạn để phát huy năng lực tối đa của người lao động, có sự kết hợp với nhau để hỗ trợ nhau trong công việc. Công ty cần tuyển dụng và thường xuyên nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân viên vì họ là người quyết định năng suất của máy móc và hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Con người là nhân tố có vai trò quyết định đến hiệu quả vốn cố định nói riêng và hiệu quả quản lý sử dụng vốn nói chung. Do đó nên áp dụng các biện pháp tài chính và hành chính trong quá trình quản lý sử dụng vốn nhằm gắn trực tiếp quyền lợi và trách nhiệm của từng cán bộ công nhân viên với công việc được giao. Quy định rõ trách nhiệm của từng người với việc bảo vệ tài sản được giao, trách nhiệm đối với việc thu hồi nợ của các hợp đồng mà người đó thực hiện, đồng thời đặt ra mức thưởng xứng đáng cho từng cá nhân tập thể khi họ hoàn thành tốt công việc được giao. Bên cạnh chế độ thưởng cho những cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình Công ty nên sử dụng mức phạt có tính răn đe đối với những cá nhân có tư tưởng lười biếng trong công việc, vô trách nhiệm lãng phí trong sử dụng tài sản được giao.

Các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như:

- Chú trọng công tác tuyển dụng.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh song song với chiến lược phát triển nguồn nhân lực.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện tại.

- Trọng dụng nhân tài đúng nơi đúng chỗ.

3.2.4. Hoàn thiện công tác quản lý tài chính doanh nghiệp

Bộ máy tài chính kế toán của các DN ngày càng có vị trí và vai trò quan trọng. Bộ máy tài chính kế toán tốt sẽ giúp DN đưa ra các quyết tài chính phù hợp trong huy động, sử dụng và phân phối nguồn lực. Một bộ máy tài chính kế toán không hoàn chỉnh, quy trình rõ ràng, yếu kém về trình độ và năng lực thì ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN. Do đó, đẩy mạnh và nâng cao công tác quản lý tài chính của Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung sẽ góp phần nâng cao HQSDVLD.

Hiện nay, tại Công ty Việt Trung, công tác quản lý tài chính chưa thực sự được quan tâm thỏa đáng. Hiện nay, bộ máy kế toán của Công ty có 3 người (2 kế toán, 1 thủ quỹ), mà chủ yếu tập trung vào công tác hoạch toán kế toán là chính nên công tác quản lý tài chính chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay, tỷ lệ tài sản dài hạn của công ty khá thấp, ảnh hưởng đến năng lực sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, tỷ lệ nguồn vốn dài hạn (vốn chủ sở hữu và vốn vay dài hạn) của công ty khá thấp, thậm chí không đủ để tài trợ cho tài sản dài hạn, dẫn đến công ty vi phạm nguyên tắc cân bằng tài chính, làm khả năng thanh toán của công ty khá thấp ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

Do đó trong thời gian tới Công ty cần có biện pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính, cụ thể:

Thường xuyên phân tích tình hình tài chính để đưa ra các quyết định tài chính, nhất là quyết định tài trợ và quyết định đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Xây dựng định mức tiêu hao vật tư góp phần quản lý tốt công tác sử dụng vốn.

Phân tích điểm hòa vốn, đánh giá rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính thông qua các mô hình tài trợ, đánh giá tình hình tài chính thông qua phân tích

diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn đồng thời đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản trị tài chính của Công ty.

Áp dụng kế toán máy.

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện quy trình phân tích tài chính DN. Để đưa ra các quyết định chính xác về quản trị tài chính trong tương lai thì đội ngũ lãnh đạo Việt Trung rất cần được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về tình hình tài chính DN hiện thời của mình. Do đó, xây dựng và hoàn thiện quy trình phân tích tài chính DN tại Việt Trung là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần xác định mục tiêu, phạm vi phân tích rõ ràng từ đó công tác tập hợp số liệu, thu thập tài liệu liên quan một cách đầy đủ và có hệ thống, đảm bảo thông tin chính xác và kịp thời. Kế hoạch phân tích cần được chuẩn bị từ sớm và tiến hành phân tích có trọng tâm hơn thông qua việc xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu phân tích.

Thứ hai, trong thời gian tới Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần hoàn thiện các phương pháp đánh giá phân tích tình hình tài chính trong DN như: Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của DN, phân tích tình hình tài chính thông qua bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Phân tích tài chính thông qua phân tích điểm hòa vốn, đánh giá rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính thông qua các mô hình tài trợ, đánh giá tình hình tài chính thông qua phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn đồng thời đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản trị tài chính của Công ty. Đồng thời Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần kết hợp tốt công tác hạch toán kế toán, kiểm toán nội bộ với phân tích tài chính trong quản trị tài chính DN có như vậy bộ máy tài chính- kế toán của DN mới hoạt động đồng bộ, chính xác từ đó giúp ban lãnh đạo Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung có cái nhìn thấu đáo về tình hình tài chính và đưa ra các quyết định chính xác.

Thứ ba, Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần cập nhật những thay đổi về chính sách, chế độ tài chính- kế toán. Việc cập nhật tốt những thay đổi này giúp Công ty hoàn thiện công tác quản lý tài chính của mình

phù hợp với các quy định của pháp luật, tránh những xung đột về lợi ích cũng như thiệt hại sau này cho Công ty. Song song với việc cập nhật những thay đổi đó thì Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần có những buổi tập huấn phổ biến các kiến thức mới về tài chính kế toán cho cán bộ công nhân viên phòng tài chính kế toán để họ nắm rõ và thực hiện đúng văn bản, chế độ của nhà nước.

Thứ tư, Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung cần xây dựng chiến lược tài chính trong dài hạn. Căn cứ vào chiến lược và kế hoạch phát triển trong tương lai của mình thì Công ty cần đưa ra các chiến lược tài chính có tầm nhìn chiến lược như kế hoạch huy động vốn để đầu tư trong giai đoạn tới, chính sách cổ tức trong thời gian tới,... những điều này nếu thực hiện được sẽ giúp Công ty chủ động công tác tài chính và có những phương án thích nghi với từng kịch bản khác nhau của nền kinh tế.

Ví dụ: Ngày nay khoa học công nghệ ngày càng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Trong đó kế toán sử dụng phần mềm kế toán chuyên chuyên biệt sẽ giúp cán bộ kế toán cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ đồng thời tiết kiệm cả về thời gian và công sức. Việc áp dụng rộng rãi kế toán máy là rất tiện lợi và cần thiết trong công tác kế toán của Công ty. Vì vậy, trong thời gian tới công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để hoạch toán, kiểm tra và in ấn sổ sách theo đúng quy định. Mặc dù chi phí ban đầu có thể cao nhưng hiệu quả cao nhưng hiệu quả đem về tính chính xác, hiệu suất công việc cao, việc cập nhật thu thập các thông tin diễn ra thường xuyên, nhanh chóng đáp ứng kịp thời phục vụ đặc lực trong công tác quản lý công ty.

Các phần mềm kế toán được nhiều Công ty sử dụng hiện nay như: Misa, Fast, Simba, Acsoft, Adsoft... Các phần mềm này nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của Công ty như: đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý.

Phần mềm kế toán Fast Accounting 11 có 16 phân hệ, được phát triển trên công nghệ của Microsoft, có thể chạy trên máy đơn lẻ mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.



Ưu điểm:

- FA 11 được thiết kế cho phép chạy dưới dạng window hoặc dưới dạng web.
- FA 11 không quá rắc rối, phức tạp, không dư thừa nhiều tính năng.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các loại hình doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi).
- Bám sát chế độ kế toán, các biểu mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

-Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít khi xảy ra các sai sót bất thường.



Trong các phần mềm kế toán trên Công ty nên sử dụng phần mềm *Fast Accounting 11* để phù hợp với quy mô của Công ty hơn, có thể nói đây là một phần mềm kế toán tân tiến nhất ở Việt Nam hiện nay với nhiều tính năng mới, giao diện phần mềm đơn giản không phức tạp, giá cả hợp lý mang lại hiệu quả kinh tế cao.

KẾT LUẬN

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp luôn được đánh giá là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngày càng tạo áp lực cho những nhà điều hành, quản trị doanh nghiệp đặc biệt là những nhà quản trị tài chính chính doanh nghiệp. Làm thế nào để nâng cao hiệu suất hoạt động, nâng cao khả năng sinh lời, cải thiện khả năng thanh toán từ đó nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn của Doanh nghiệp là một vấn đề sống còn trong bối cảnh hiện nay.

Trong giai đoạn 2020-2022, hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Việt Trung đã được cải thiện đáng kể, cụ thể: (1) Doanh thu có xu hướng tăng và kinh doanh có lãi; (2) Hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn tăng; (3) Tốc độ quay vòng của hàng tồn kho ngày càng được cải thiện; Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng vốn của Việt Trung cũng gặp một số hạn chế như: (1) Cơ cấu vốn và nguồn vốn chưa thực sự hợp lý, (2) Khả năng thanh toán của Công ty khá thấp; (3) Lượng hàng tồn kho cao, vòng quay hàng tồn kho thấp; (4) Khả năng sinh lời của tổng tài sản, sinh lời theo vốn chủ thấp.

Nguyên nhân chính của thực trạng này là do: (1) Công tác quản lý vốn lưu động còn hạn chế; (2) Công tác quản lý nhân sự còn nhiều bất cập;

Nhằm nâng cao HQSDVLD, trong thời gian tới Việt Trung cần tập trung vào một số biện pháp như: (1) Xây dựng phương thức quản trị vốn kinh doanh; (2) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và (4) Hoàn thiện công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.

Do thời gian và kiến thức có hạn nên luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhưng tác giả hy vọng rằng những đề xuất trên đây sẽ góp phần nâng cao HQSDVLD tại Công ty TNHH Thiết kế và Dịch vụ tàu thủy Việt Trung. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô cùng bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn khi vận dụng vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Tấn Bình (2004), *Phân tích hoạt động doanh nghiệp*, NXB Thống kê, TP Hồ Chí Minh;
- [2] Nguyễn Tấn Bình (2004), *Phân tích quản trị tài chính*, NXB Thống kê, TP Hồ Chí Minh;
- [3] Nguyễn Tấn Bình (2010), *Quản trị tài chính ngắn hạn*, NXB Thống kê, TP Hồ Chí Minh;
- [4] Nguyễn Văn Công (2009), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;
- [5] Ngô Thế Chi, TS. Nguyễn Trọng Cơ (2015), *Giáo trình phân tích Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính;
- [6] Ngô Thế Chi, TS. Nguyễn Trọng Cơ (2016), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội;
- [7] Công ty Việt Trung (2020, 2021, 2022), *Báo cáo tài chính các năm 2020, 2021, 2022* Hải Phòng;
- [8] Công ty Việt Trung (2020, 2021, 2022), *Báo cáo tổng kết các năm 2020, 2021, 2022*, Hải Phòng;
- [9] Dương Văn Chung (2013), *Nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn và một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước xây dựng giao thông*, Hà Nội;
- [10] Hoàng Trần Hậu (2012), *Nghiên cứu đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn của các doanh nghiệp đầu tư thương mại tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Đình Kiệt, Bạch Đức Hiền (2008), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- [12] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (2014), *Luật doanh nghiệp 2014*, Hà Nội.
- [13] Phan Hồng Mai (2012), *Quản lý tài sản tại các công ty cổ phần ngành xây dựng niêm yết ở Việt Nam*, Hà Nội;

- [14] Cao Văn Kế (2015), *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp xây ở Việt Nam*, Hà Nội;
- [15] Trần Thị Thu Phong (2013), *Hoàn thiện phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Hà Nội.
- [16] Đoàn Minh Tuấn (2015), *Một số vấn đề về doanh nghiệp thương mại*, Hà Nội;